

TECHFEST VIỆT NAM 2022 TẠI LAI CHÂU:

“NĂM CHẮC THỜI CƠ, VƯỢT QUA THÁCH THỨC, KHÁT VỌNG VƯƠN XA”

➤ Xuân Phong

Ngày 28/8, Ngày hội Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo Việt Nam 2022 tại Lai Châu (Techfest Việt Nam 2022 tại Lai Châu) do Bộ Khoa học và Công nghệ (KH&CN) phối hợp với UBND tỉnh Lai Châu tổ chức đã chính thức khai mạc tại thành phố Lai Châu với chủ đề “Năm chắc thời cơ, vượt qua thách thức, khát vọng vươn xa”



Thứ trưởng Bộ KH&CN Trần Văn Tùng phát biểu chào mừng

Dự Lễ Khai mạc, về phía Trung ương có đồng chí Trần Văn Tùng - Thứ trưởng Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ; đại diện lãnh đạo các Cục, Tổng cục, Vụ thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; đại diện Trưởng các Làng công nghệ quốc gia; các chuyên gia, các nhà đầu tư, các doanh nghiệp, tập đoàn, các start-up trong cả nước.

Về đại biểu các tỉnh/thành phố có đồng chí Vừ A Bằng - Tỉnh ủy viên, Phó Chủ tịch UBND tỉnh Điện Biên; đại diện lãnh đạo Sở Khoa học và Công nghệ: Lào Cai, Yên Bái, Sơn La, Điện Biên, Hòa Bình, Hà Giang, Cao Bằng, Tuyên Quang, Lạng Sơn, Phú Thọ, Bắc Giang, Thái Nguyên, Thành phố Hà Nội, Nam Định, Vĩnh Phúc, Quảng Ninh, Huế, Thành phố Đà Nẵng.

Về phía tỉnh Lai Châu có các đồng chí: Lê Văn Lương - Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy; Trần Tiến Dũng - Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch UBND tỉnh Lai Châu; Tống Thanh

Hải - Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Thường trực UBND tỉnh Lai Châu, Trưởng Ban Tổ chức Techfest Việt Nam tại Lai Châu; các đồng chí trong Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực HĐND, UBND, Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh Lai Châu; đại diện lãnh đạo các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội, các hiệp hội, các doanh nghiệp, hợp tác xã, các chủ thể OCOP, các đoàn viên thanh niên khởi nghiệp trên địa bàn Tỉnh.

Tại điểm cầu trực tuyến các huyện, thành phố có gần 500 đại biểu đại diện lãnh đạo: Huyện ủy, thành ủy, HĐND, UBND; các phòng, ban, đơn vị, các tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức đoàn thể, các xã, thị trấn, các doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn các huyện, thành phố...

Việc tổ chức Ngày hội Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo năm 2022 tại Lai Châu là hoạt động rất ý nghĩa nhằm kết nối, thu hút nguồn lực để phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng

tạo và khởi nghiệp, trong đó, các tập đoàn, doanh nghiệp lớn, doanh nghiệp công nghệ là trụ cột dẫn dắt, thúc đẩy hoạt động đổi mới sáng tạo; đây là cơ hội để trao đổi về những thuận lợi, tiềm năng cũng như thách thức đối với tỉnh Lai Châu trong đẩy mạnh liên kết trong hệ sinh thái đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp nói chung, cũng như kết nối trong lĩnh vực Du lịch, Nông nghiệp, Dược liệu nói riêng. Đây cũng là nơi khơi nguồn và phát triển những ý tưởng, sản phẩm sáng tạo; thúc đẩy phong trào khởi nghiệp, tinh sáng tạo, hăng say lao động của tuổi trẻ Lai Châu nói riêng và thanh niên các tỉnh Tây Bắc nói chung, đóng góp thiết thực vào sự nghiệp phát triển của vùng và cả nước.

Phát biểu chào mừng, Thứ trưởng Bộ KH&CN Trần Văn Tùng khẳng định: Hiện nay, toàn xã hội đã và đang bước vào giai đoạn bình thường mới, phục hồi sau đại dịch thì hoạt động đổi mới sáng tạo, ứng dụng KH&CN nghệ lại càng đóng vai trò quan trọng. Thứ trưởng bày tỏ vui mừng khi thấy sáng kiến Techfest đã được nhân rộng và triển khai thực sự hiệu quả ở các tỉnh/thành phố, đặc biệt là ở Tp. Lai Châu đã giới thiệu, quảng bá, trưng bày ý tưởng, dự án, sản phẩm khởi nghiệp sáng tạo và sản phẩm công - nông nghiệp nông thôn tiêu biểu của tỉnh Lai Châu và các địa phương trong vùng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội nói chung.

Hoạt động này cũng đã tạo động lực và lan tỏa tinh



Các đồng chí lãnh đạo chứng kiến Lễ ký kết Biên bản ghi nhớ tiến tới phối hợp hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo giữa Bộ KH&CN và tỉnh Lai Châu giai đoạn 2022 - 2025

thần khởi nghiệp, tinh thần doanh nhân cho mọi tầng lớp Nhân dân trên địa bàn Tỉnh; tạo lập văn hóa khởi nghiệp và khởi nghiệp từ tài nguyên bản địa; đẩy mạnh liên kết Hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, kết nối các chủ thể, liên kết và phát triển Mạng lưới khởi nghiệp sáng tạo các tỉnh khu vực Tây Bắc, thúc đẩy ứng dụng giải pháp công nghệ trong sản xuất và kinh doanh, thực hiện thành công mục tiêu của Đề án 844 (Đề án “Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025) và chương trình chuyển đổi số quốc gia. Đồng thời, Lai Châu trở thành một trong những địa phương tổ chức chuỗi hoạt động Techfest ở quy mô quốc gia, với sự tham gia đồng đảo các tổ chức, chuyên gia hỗ trợ khởi nghiệp và nhiều tỉnh, thành phố khác.

Techfest Việt Nam 2022 tại Lai Châu cũng là nền tảng cho địa phương nâng tầm, phát triển dựa vào việc nâng cao vai trò của các giải pháp mới từ các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo trong ứng phó với đại dịch và góp phần phục hồi nền kinh tế; thu hút nguồn lực chuyên gia, trí thức, doanh nhân trong nước, người Việt Nam ở nước ngoài hỗ trợ cho doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo tại Lai Châu; và kết nối với sự kiện Techfest quốc gia tổ chức vào cuối năm. Đây là sự kiện mang ý nghĩa quan trọng đối với hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo tại các địa phương trong khu vực Tây Bắc và cả nước. Thứ trưởng cũng đánh giá rất cao mô hình thúc đẩy Khởi nghiệp ĐMST trên cơ sở phát triển nguồn lực con người, sự vào cuộc và quan tâm sát sao của lãnh đạo tỉnh, và của cộng đồng khởi nghiệp giàu năng lượng, tâm huyết và quyết tâm của tỉnh Lai Châu.

Thứ trưởng Trần Văn Tùng bày tỏ mong muốn, qua các hoạt động này, chuỗi hoạt động phát triển hệ sinh thái sẽ

được tiếp tục được mở rộng và phát triển, kết nối giữa các thành phần trong hệ sinh thái ngày càng chặt chẽ hơn nữa, tạo ra nhiều giá trị mới cho hệ sinh thái, và có những sáng kiến mới để kết nối, khai thác nguồn lực giữa các địa phương.

Tại Lễ Khai mạc, Bộ KH&CN và tỉnh Lai Châu đã ký kết Biên bản ghi nhớ tiến tới phối hợp hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo giữa Bộ KH&CN và tỉnh Lai Châu giai đoạn 2022 - 2025; Sở KH&CN thành phố Hà Nội và Sở KH&CN nghệ tỉnh Lai Châu ký kết phối hợp triển khai hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

Trong khuôn khổ Ngày hội Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo Việt Nam 2022 tại Lai Châu đã diễn ra Diễn đàn chính sách Hành lang Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo và cơ hội phát triển.

Tại diễn đàn, các diễn giả đã chia sẻ những kết quả thông qua các hoạt động Techfest đã tổ chức thành công và những bài học kinh nghiệm từ thực tế để đóng góp và xây dựng cho hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tại Lai Châu; những chương trình, kế hoạch của địa phương trong đổi mới, sáng tạo lĩnh vực nông nghiệp, dược liệu, du lịch; những cơ chế, chính sách phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp quốc gia giai đoạn 2021-2025 tầm nhìn đến năm 2030...

Cũng tại diễn đàn, đại diện các mô hình khởi nghiệp tiềm năng trong nông nghiệp,



Đ/c Đỗ Xuân Hoàn - PGĐ Sở KH&CN tham dự phiên chuyên đề tại Techfest Lai Châu 2022

du lịch, dược liệu, du lịch cộng đồng của tỉnh Lai Châu, Lạng Sơn và Kon Tum... cũng đã chia sẻ những khó khăn, kinh nghiệm trong việc tiếp cận các chương trình, chính sách hỗ trợ từ phía địa phương cũng như các tổ chức hỗ trợ khởi nghiệp như về marketing, quản trị, thị trường, nhân lực, tài chính; chia sẻ về hoạt động kết nối với chuyên gia của Làng Nông nghiệp thông minh; đánh giá về vai trò của chuyên gia cũng như hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo từ hoạt động thực tế...

Ngày hội Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo Việt Nam năm 2022 tại Lai Châu với nhiều sự kiện được tổ chức như: Phiên chuyên đề “phát triển du lịch cộng đồng gắn với Metaverse”; Phiên chuyên đề “Ứng dụng thành tựu cuộc cách mạng 4.0 trong phát triển nông nghiệp, dược liệu”; Phiên chuyên đề “Công nghệ gắn với phát triển xanh và bền vững”; Diễn đàn “Tuổi trẻ Lai Châu hưởng ứng khởi nghiệp đổi mới sáng tạo”; triển lãm công nghệ, trưng bày và giới thiệu các dự án khởi nghiệp sáng tạo, sản phẩm công nghệ. Đặc biệt, trong khuôn khổ sự kiện, sẽ diễn ra hoạt động vinh danh 10 đại sứ đổi mới sáng tạo khu vực Tây Bắc.

Tham dự Techfest Lai Châu 2022, lãnh đạo và cán bộ Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Phú Thọ đã tham gia một số các hoạt động diễn ra tại sự kiện này như: các phiên chuyên đề, các diễn đàn và 02 gian hàng trưng bày và giới thiệu các sản phẩm từ các dự án nghiên cứu khoa học ứng dụng công nghệ và dự án khởi nghiệp sáng tạo của tỉnh. Gian hàng trưng bày sản phẩm của tỉnh Phú Thọ đã nhận được sự quan tâm của đông đảo đại biểu và người dân tỉnh Lai Châu trong suốt thời gian sự kiện diễn ra.

X.P



ĐƯA NHỮNG QUY ĐỊNH MỚI VỀ SỞ HỮU TRÍ TUỆ VÀO CUỘC SỐNG

Để bảo đảm các nội dung của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ được triển khai đúng, đi vào thực tiễn, Cục Sở hữu trí tuệ (Bộ KH&CN) đang phối hợp với các cơ quan tổ chức phổ biến Luật cho các nhóm chủ thể có liên quan, đồng thời tiếp tục xây dựng các văn bản hướng dẫn chi tiết.

Ông Nguyễn Văn Bảy, Phó Cục trưởng Cục SHTT cho biết, Luật SHTT được Quốc hội thông qua năm 2005, được sửa đổi, bổ sung năm 2009 và năm 2019, là văn bản pháp luật quan trọng, điều chỉnh các quan hệ xã hội liên quan đến loại tài sản đặc biệt - tài sản trí tuệ.

Qua thực tiễn 16 năm thi hành, Luật SHTT đã phát huy vai trò to lớn trong việc tạo hành lang pháp lý về SHTT, thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Tuy nhiên,

trong bối cảnh mới, thực tiễn thi hành cùng với việc hội nhập quốc tế sâu rộng của Việt Nam cho thấy Luật SHTT còn tồn tại một số vướng mắc, bất cập nhất định.

Vì vậy, Luật SHTT đã được đề xuất sửa đổi nhằm thể chế hóa các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước, khắc phục những vướng mắc, bất cập thực tiễn và nội luật hóa các cam kết để phù hợp với thông lệ quốc tế

Ngày 16/6/2022, tại kỳ họp thứ 3, Quốc hội khóa XV đã biểu quyết thông qua Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật SHTT (Luật số 07/2022/QH15), có hiệu lực từ ngày 1/1/2023. Luật sửa đổi, bổ sung 102 điều của Luật SHTT (trong đó sửa đổi, bổ sung 88 điều hiện hành, bổ sung 14 điều mới) và bãi bỏ 2 điều, đồng thời sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật khác có liên quan.

Theo ông Nguyễn Văn Bảy, ngoài tuyên truyền, phổ biến cho các nhóm chủ thể có liên quan, Cục SHTT đang xây dựng và trình cấp có thẩm quyền ban hành các văn bản hướng dẫn thi hành Luật theo kế hoạch mà trước mắt là việc sửa đổi một số nghị định của Chính phủ như Nghị định số 103/2006/NĐ-CP về sở hữu công nghiệp, Nghị định số 105/2006/NĐ-CP về quản lý nhà nước và bảo vệ quyền SHTT..

Doanh nghiệp ngày càng quan tâm đến sở hữu trí tuệ

Theo Phòng Pháp chế và Chính sách (Cục SHTT), nội dung sửa đổi Luật SHTT tập trung vào 7 nhóm chính sách lớn như: Bảo đảm quy định rõ về tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả, người biểu diễn, chủ sở hữu quyền liên quan trong các trường hợp chuyển nhượng, chuyển giao quyền tác giả, quyền liên quan đến quyền tác giả; khuyến khích tạo ra, khai thác và phổ biến sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí, giống cây trồng được tạo ra từ nhiệm vụ KHCN sử dụng ngân sách Nhà nước; tạo thuận lợi cho quá trình thực hiện thủ tục đăng ký quyền tác giả, thủ tục xác lập quyền sở hữu công nghiệp...

Đặc biệt, luật được sửa đổi theo hướng quy định rõ ràng và chi tiết hơn với việc trao quyền đăng ký sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí, giống cây trồng được tạo ra từ ngân sách Nhà nước một cách tự động và không bồi hoàn cho tổ chức chủ trì, qua đó nhằm khuyến khích biến các kết quả nghiên cứu thành các tài sản được bảo hộ quyền SHTT, tạo tiền đề để khai thác thương

mại đối với các tài sản này trên thị trường được hiệu quả hơn.

Các ý kiến từ đại diện các hiệp hội, doanh nghiệp cũng cho rằng SHTT là yếu tố quan trọng quyết định tính cạnh tranh của doanh nghiệp, nền kinh tế và quốc gia. Doanh nghiệp đang ngày càng quan tâm xác lập quyền SHTT bởi được bảo vệ quyền SHTT, doanh nghiệp không chỉ được bảo hộ để phục vụ cho hoạt động sản xuất, kinh doanh một cách an toàn, hợp pháp, mà còn có thể chuyển giao hoặc chuyển nhượng các độc quyền này cho các chủ thể khác để thu lợi, bảo đảm giá trị pháp lý đối với giá trị gia tăng.

Lần sửa đổi này mang tính toàn diện và sâu rộng nhất từ trước đến nay. Trong đó, các thay đổi liên quan đến các chế định bảo hộ nhãn hiệu là điều mà các doanh nghiệp quan tâm trước hết.

Liên quan đến nhãn hiệu, Luật Sở hữu trí tuệ 2022 đã mở rộng việc bảo hộ đến nhãn hiệu âm thanh bên cạnh nhãn hiệu chữ, nhãn hiệu hình. Các tiêu chí đánh giá các nhãn hiệu nổi tiếng, cũng như các căn cứ đề từ chối, hủy bỏ hay chấm dứt hiệu lực của nhãn hiệu cũng là những điểm mà các doanh nghiệp Việt Nam cần phải quan tâm và nắm được các quy định mới để vận dụng tốt nhất cũng như bảo hộ nhãn hiệu của mình.

Theo báo cáo của Cục SHTT, trong giai đoạn 2010-2021, tại Việt Nam có hơn 65.000 đơn đăng ký bảo hộ sáng chế, trên 5.000 đơn đăng ký bảo hộ giải pháp hữu ích, 31.000 đơn đăng ký bảo hộ kiểu dáng công nghiệp, 480.000 đơn đăng ký nhãn hiệu cùng hơn 313.000 văn bằng được cấp.

Trong số đó, năm 2021, chủ thể là doanh nghiệp chiếm 40,15% tổng số đơn đăng ký bảo hộ sáng chế (tăng từ 30,47% của năm 2010) và chiếm 30% tổng số đơn đăng ký giải pháp hữu ích (tăng từ 25,6% năm 2010).

Theo Chinhphu.vn



Lãnh đạo Sở KH&CN kiểm tra dự án Lúa lai TH6-6

HIỆU QUẢ CÔNG TÁC ỨNG DỤNG, CHUYỂN GIAO KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU KH&CN CẤP TỈNH SAU NGHIỆM THU GIAI ĐOẠN 2019 - 2022

➤ Hải Ninh
Phòng Quản lý Khoa học

Chương trình hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao tiến bộ KH&CN vào sản xuất và đời sống trên địa bàn tỉnh Phú Thọ với mục tiêu tạo bước chuyển biến mạnh mẽ hoạt động ứng dụng, nhân rộng tiến bộ KH&CN trong sản xuất, kinh doanh; khai thác, lựa chọn có hiệu quả các kết quả nghiên cứu khoa học, các công nghệ mới, tiên tiến, phù hợp trong và ngoài tỉnh để phát triển ứng dụng nhân rộng, phát huy lợi thế của địa phương, nâng cao năng suất, chất lượng, sức cạnh tranh sản phẩm hàng hóa; từ đó huy động được các nguồn lực xã hội tham gia Chương trình, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Từ năm 2019 đến nay, đã có trên 100 đề tài, dự án KH&CN cấp tỉnh hoàn thành và được đánh giá, nghiệm thu. Các nhiệm vụ KH&CN sau khi kết thúc tiếp tục được các cơ quan chủ trì duy trì, ứng dụng kết quả nghiên cứu vào thực tiễn, duy trì các mô hình ứng dụng đồng thời nhiều mô hình đã được nhân rộng trong thực tiễn sản xuất và đời sống góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế xã

hội trên địa bàn tỉnh. Đã có nhiều đề tài, dự án KH&CN đã có những đóng góp thiết thực vào sản xuất và đời sống.

Đối với các đề tài KH&CN đã có nhiều kết quả nghiên cứu góp phần nâng cao chất lượng giáo dục, bảo tồn phát huy giá trị các di sản văn hóa, nâng cao hiệu quả sản xuất thông qua việc nghiên cứu tạo ra các quy trình kỹ thuật, các thiết bị phục vụ sản xuất, phần

mềm quản lý, điều khiển... phục vụ sản xuất, kinh doanh. Các kết quả nghiên cứu đã góp phần thiết thực trong việc nâng cao hiệu quả đối với nhiều lĩnh vực: Lĩnh vực giáo dục thông qua triển khai các đề tài nghiên cứu đã tạo ra được một số sản phẩm phục vụ giáo dục góp phần nâng cao chất lượng đào tạo trên địa bàn tỉnh như: *Xây dựng quy trình dạy thí nghiệm thực hành nhằm bồi dưỡng học sinh giỏi môn Sinh học cấp THPT; Biên soạn tài liệu bồi dưỡng học sinh giỏi môn Toán bằng Tiếng Anh cấp THCS; Xây dựng được hệ thống câu hỏi trắc nghiệm các môn Toán, Vật lí, Hóa học, Sinh học cấp THPT trên địa bàn tỉnh Phú Thọ; Xây dựng các modul hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp trong các trường phổ thông đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục trên địa bàn tỉnh Phú Thọ.* Đối với lĩnh vực văn hóa, thông qua đề tài đã góp phần bảo tồn, phục dựng, quảng bá, khai thác và phát các

giá trị văn hóa trên địa bàn tỉnh như: *Phục dựng một số di sản văn hóa truyền thống điển hình của dân tộc Mường; Phục dựng di sản văn hóa truyền thống điển hình của người Dao quần chẹt; Đánh giá hiện trạng và đề xuất các giải pháp bảo tồn, khai thác giá trị văn hoá lịch sử của các ngôi nhà gỗ cổ tại làng cổ Hùng Lô đã góp phần bảo tồn và khai thác du lịch; ...*

Một số đề tài kết quả đã có đóng góp trực tiếp vào việc bảo vệ di tích, bảo tồn, tạo ra giống mới, bổ sung cơ cấu giống cây trồng

địa phương như: *Đề tài nghiên cứu xác định một số giải pháp phòng trừ mối hại một số di tích cấp quốc gia trên địa bàn tỉnh Phú Thọ* đã được ứng dụng để xử lý triệt để mối gây hại tại 11 công trình di tích cấp Quốc gia và 2 công trình di tích cấp tỉnh trên địa bàn tỉnh giúp giảm chi phí từ việc sửa chữa, trùng tu các công trình di tích do mối gây hại, tiết kiệm được nguồn ngân sách Nhà nước, đồng thời gìn giữ được giá trị văn hóa, lịch sử, góp phần bảo vệ bền vững các công trình di tích trên địa bàn tỉnh Phú Thọ; *Thử nghiệm sản xuất*



Lãnh đạo Sở KH&CN kiểm tra dự án Lúa Nếp Gà gáy Mỹ Lung

lúa lai TH6-6 trên địa bàn tỉnh Phú Thọ đã góp phần bổ sung được giống lúa có hiệu quả cao vào cơ cấu giống lúa của tỉnh; *Khảo nghiệm tập đoàn các giống lúa thảo dược tại địa bàn tỉnh Phú Thọ* đã đề nghị bổ sung vào cơ cấu giống cây trồng của tỉnh 01 giống lúa thảo dược; *Nghiên cứu đặc điểm nông sinh học và các biện pháp kỹ thuật thâm canh trên giống vải chín sớm VPH40 tại Phú Thọ* góp phần hoàn thiện quy trình kỹ thuật thâm canh nâng cao năng suất làm cơ sở để giống vải chín sớm PH40 được công nhận giống năm 2019; *Nghiên*

cứu lựa chọn và xây dựng quy trình nhân giống một số loài phong lan có giá trị của Vườn Quốc gia Xuân Sơn bằng công nghệ nuôi cấy mô tế bào đã hoàn thiện quy trình nhân giống in vitro giúp chủ động cung cấp cây giống chất lượng cao góp phần bảo tồn, phát triển các loài lan quý, có giá trị cao đáp ứng nhu cầu thị trường, phù hợp với định hướng phát triển nông nghiệp công nghệ cao của tỉnh Phú Thọ.

Ngoài các đề tài có khả năng ứng dụng ngay nêu trên còn có kết quả các đề tài để có thể ứng dụng vào thực tiễn sản xuất và đời sống cần tiếp tục được nghiên cứu hoàn thiện để đảm bảo yêu cầu đối với từng đối tượng sản phẩm như: *Xây dựng quy trình chiết xuất và bào chế viên nang giàu isoflavonoid có tác dụng hỗ trợ bảo vệ gan do rượu gây tổn thương từ Sắn dây; Xây dựng quy trình chiết xuất, bào chế và thử nghiệm sản xuất cao Mướp đắng và viên nang chứa cao khô giàu hoạt chất saponin hỗ trợ điều trị bệnh Đái tháo đường;...* Kết quả các đề tài là các sản phẩm dược phẩm, thực phẩm chức năng mặc dù có tính khả thi, có khả năng nhân rộng, nhưng để áp dụng kết quả vào sản xuất thương phẩm cần phải tiếp tục các khâu thử nghiệm, đánh giá ở nhiều giai đoạn khác nhau mới đảm bảo yêu cầu để ứng dụng vào sản xuất thương phẩm.

Đối với các dự án KH&CN cấp tỉnh được triển khai hoàn thành và được đánh giá nghiệm thu giai đoạn 2019-2022, hầu hết kết quả các dự án sau khi được nghiệm thu được duy trì, nhân rộng vào thực tiễn sản xuất, kinh doanh. Các mô hình của dự án đã khai thác có hiệu quả quỹ đất, nguồn nhân lực tại chỗ, giải quyết được số lượng lớn lao động ở địa phương, xây dựng thành các vùng hàng hóa tập trung góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh hiệu quả, phù hợp với định hướng phát triển kinh tế và tiềm năng của tỉnh. Nhiều mô hình là kết quả của việc triển khai dự án được duy trì ứng dụng vào thực tiễn sản xuất và đời sống mang lại hiệu quả cao.

Đối với việc xác lập bảo hộ sở hữu trí tuệ đối với các sản phẩm hàng hóa chủ lực, đặc trưng của tỉnh thông qua triển khai thực hiện

các dự án KH&CN đã và đang mang lại hiệu quả thiết thực góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội. Các sản phẩm sau khi được xác lập, bảo hộ sở hữu trí tuệ (SHTT) đã thực sự phát huy được hiệu quả, các sản phẩm sau bảo hộ đã đẩy mạnh công tác tuyên truyền, quảng bá rộng rãi trên thị trường, hoàn thiện các quy trình sản xuất nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, hàng hóa, xây dựng các quy trình kiểm soát tốt nguồn gốc và chất lượng các sản phẩm hạn chế hàng giả, hàng nhái, hàng kém chất lượng đã tăng giá trị sản phẩm, tạo vị thế ổn định trên thị trường tiêu thụ, được tham gia vào đa dạng các kênh phân phối, tiêu thụ sản phẩm, mở rộng được quy mô sản xuất góp phần không nhỏ trong việc thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội của các địa phương trong tỉnh.

Các kết quả nhiệm vụ KH&CN được ứng dụng, chuyển giao và đã mang lại hiệu quả thiết thực trong phát triển kinh tế, xã hội, bảo vệ môi trường và sức cạnh tranh của sản phẩm hàng hóa, dịch vụ, góp phần nâng cao trình độ công nghệ, giảm thiểu ô nhiễm môi trường, nâng cao năng suất lao động, tăng doanh thu, lợi nhuận cho sản xuất. Ngoài một số nhiệm vụ KH&CN tiêu biểu nêu trên các nhiệm vụ KH&CN ở các lĩnh vực khác nhau đã mang lại hiệu quả kinh tế xã hội như: Công nghệ sinh học được áp dụng giúp xử lý tốt chất thải trong chăn nuôi, xử lý nước thải ngành giấy và công nghiệp, tạo sản phẩm thân thiện môi trường,... như sản xuất than sinh học, lò đốt rác sinh hoạt bằng khí tự nhiên, xử lý nước thải ngành giấy bằng vi sinh... ; Công nghệ mới được áp dụng trong y tế, phát triển dược liệu đã góp phần ứng dụng các công nghệ mới trong điều trị, chăm sóc bệnh nhân, giảm thiểu nguy cơ ô nhiễm rác thải y tế, phát triển dược liệu tăng sức cạnh tranh nguồn nguyên liệu sản xuất thuốc. Công nghệ thông tin cũng được áp dụng ở nhiều ngành lĩnh vực như y tế, giáo dục, nông nghiệp, quản lý hành chính,... đã góp phần rất lớn trong việc tiết kiệm thời gian, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả công việc và tiết kiệm chi phí quản lý.

H.N



CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH PHÚ THỌ ĐẾN NĂM 2030

➡ Lan Chi

Thực hiện Quyết định số 569/QĐ-TTg ngày 11/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2030 và Nghị quyết số 76-NQ/TU ngày 02/8/2022 của Ban thường vụ Tỉnh ủy tỉnh Phú Thọ về Chương trình phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh Phú Thọ đến năm 2030; Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Chương trình phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh Phú Thọ đến năm 2030.

Mục tiêu chung của Chương trình là phát huy vai trò và nâng cao hiệu quả của khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong phát triển kinh tế xã hội, đảm bảo an ninh quốc phòng trên địa bàn tỉnh Phú Thọ, góp phần xây dựng tỉnh Phú Thọ là tỉnh phát triển hàng đầu trong các tỉnh Trung du miền núi phía Bắc. Tiềm lực, trình độ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của tỉnh,

trình độ, năng lực công nghệ, đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp đạt mức tiên tiến ở nhiều lĩnh vực quan trọng, thuộc nhóm dẫn đầu trong các tỉnh trung du miền núi phía Bắc

Mục tiêu cụ thể là đến năm 2025, đóng góp của khoa học và công nghệ thông qua năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng kinh tế đạt từ 42-45%; đến năm 2030 đạt trên 50%; Nâng cao tỷ lệ huy động vốn

từ nguồn ngoài ngân sách cho các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, đảm bảo tỷ lệ vốn huy động ngoài ngân sách trên 50% so với tổng kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ vào năm 2025 và đạt trên 60% vào năm 2030; Đến năm 2030 nhân lực nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ (quy đổi toàn thời gian) đạt trên 15 người/một vạn dân; trong đó chú trọng phát triển nhân lực trong khu vực doanh nghiệp; Đến năm 2030, số doanh nghiệp đạt tiêu chí doanh nghiệp khoa học và công nghệ tăng hai lần so với năm 2020. Tỷ lệ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới sáng tạo đạt 25% - 30% đến năm 2025; đạt trên 40% vào năm 2030; Đến năm 2025 số văn bằng bảo hộ Sở hữu công nghiệp tăng từ 1,5 - 2 lần so với giai đoạn 2016 - 2020; 80% sản phẩm chủ lực, sản phẩm đặc sản, đặc trưng, sản phẩm có lợi thế đã chứng nhận OCOP được bảo hộ, quản lý và phát triển, trong đó có 01-02 sản phẩm được bảo hộ ở nước ngoài; Về Tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng: 100% phương tiện đo nhóm 2 phục vụ sản xuất, đo đếm các mặt hàng thiết yếu phục vụ đời sống và trong thương mại bán lẻ (xăng dầu, điện, nước...) phải được kiểm định theo quy định; 100% cơ quan quản lý nhà nước (từ cấp tỉnh đến cấp xã) áp dụng Hệ thống quản lý theo Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 9001 vào hoạt động của các cơ quan tổ chức hành chính Nhà nước.

Một số nhiệm vụ trọng tâm của Chương trình:

(1) Nâng cao chất lượng hiệu quả hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

Phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo tập trung phục vụ phát triển kinh tế - xã hội bền vững, bao trùm bảo đảm quốc phòng, an ninh

Thúc đẩy tái cơ cấu nền kinh tế theo hướng tăng tỷ trọng giá trị sản phẩm công nghiệp

công nghệ cao, các ngành có năng suất và giá trị gia tăng cao nhờ ứng dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại cùng với đẩy mạnh chuyển đổi số trong mọi lĩnh vực; thúc đẩy phát triển ngành chế tạo, một số ngành, lĩnh vực mũi nhọn dựa trên nền tảng công nghệ của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư; từng bước giảm tỷ trọng các ngành có năng suất lao động, giá trị gia tăng thấp, sử dụng công nghệ lạc hậu. Tiếp thu, làm chủ, chuyển giao, ứng dụng rộng rãi công nghệ tiên tiến trong nước và thế giới nhằm tăng sản xuất lao động, nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ và sức cạnh tranh của doanh nghiệp, thực hiện chuyển đổi số của doanh nghiệp; chủ động xây dựng các giải pháp công nghệ của tỉnh để phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, bảo vệ môi trường, ứng phó với các thách thức từ dịch bệnh và biến đổi khí hậu. Nghiên cứu ứng dụng khoa học và công nghệ trong phát triển công nghiệp quốc phòng theo hướng lưỡng dụng, đáp ứng yêu cầu bảo vệ tổ quốc trong tình hình mới. Ưu tiên ứng dụng các công nghệ, như: Công nghệ thông tin, truyền thông, công nghệ số; Công nghệ sinh học; Công nghệ tự động hóa; Công nghệ vật liệu mới và nano; Công nghệ môi trường và năng lượng.v.v.

Nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước, tiềm lực của tổ chức khoa học và công nghệ

Nâng cao năng lực, hiệu quả bộ máy quản lý nhà nước các cấp về khoa học và công nghệ. Nâng cao năng lực của tổ chức khoa học và công nghệ công lập, hình thành các tổ chức khoa học và công nghệ ngoài công lập, gắn hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo với sản xuất và đời sống. Tăng cường thu hút nguồn nhân lực khoa học và công nghệ trên các lĩnh vực và đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật cho các tổ chức khoa học và công nghệ. Từng bước xây dựng Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng thuộc Sở Khoa học và Công nghệ đạt

quy mô vùng và mở rộng khả năng kiểm định, kiểm nghiệm về đo lường, chất lượng sản phẩm, hàng hóa. Bổ sung chức năng nghiệm vụ cho Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng trong hoạt động dịch vụ về truy xuất nguồn gốc, đăng ký mã số mã vạch; tư vấn đăng ký, bảo hộ, chuyển giao quyền sở hữu trí tuệ, an toàn bức xạ cho người dân và doanh nghiệp; Thực hiện tốt công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ, công tác tiêu chuẩn đo lường chất lượng, sở hữu trí tuệ trên địa bàn.

Nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực khoa học và công nghệ gắn với nhu cầu sử dụng của doanh nghiệp; đổi mới chương trình đào tạo cho đối tượng nhân lực khoa học và công nghệ trong các trường đại học hướng tới đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động, nâng cao các kỹ năng đổi mới sáng tạo; mở rộng và nâng cao chất lượng các cuộc thi khoa học và công nghệ cho đối tượng học sinh, sinh viên. Xây dựng kế hoạch đào tạo đội ngũ cán bộ khoa học và công nghệ có trình độ cao trên các lĩnh vực phát triển kinh tế - xã hội. Xây dựng và phát triển các mạng lưới trí thức, nhân tài về các công nghệ chủ chốt. Triển khai lồng ghép, đào tạo nhân lực khoa học và công nghệ thông qua triển khai nhiệm vụ nghiên cứu, phát triển công nghệ tại các cơ sở nghiên cứu, đào tạo có uy tín nhằm tiếp nhận, làm chủ công nghệ mới; nghiên cứu, hoàn chỉnh các quy định có liên quan để tăng cường hiệu quả đào tạo, bồi dưỡng nhân lực khoa học và công nghệ, phát triển các nhóm nghiên cứu.

(2) Phát triển toàn diện khoa học và công nghệ trên các lĩnh vực, trọng tâm là nghiên cứu ứng dụng các thành tựu của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4 (CMCN 4.0)

Đối với lĩnh vực Nông nghiệp: Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao khoa học, công nghệ nhằm nâng cao chất lượng giống

cây trồng, vật nuôi, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nông sản; nâng cao khả năng phòng ngừa và khắc phục dịch bệnh đối với cây trồng, vật nuôi. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ thông qua các doanh nghiệp xây dựng mô hình ứng dụng khoa học, công nghệ gắn với tập huấn kỹ thuật cho bà con nông dân, góp phần thay đổi phương thức sản xuất nông nghiệp, nâng cao thu nhập cho người nông dân. Khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp và hợp tác xã đầu tư phát triển công nghiệp bảo quản, chế biến nông, lâm, thủy sản, ...

Đối với lĩnh vực Công nghiệp: Phát triển công nghiệp có trong điểm, công nghệ hiện đại, thân thiện với môi trường; đẩy mạnh phát triển công nghiệp theo chiều sâu, các ngành, sản phẩm có giá trị gia tăng cao, hướng đến phát triển công nghiệp xanh và bền vững. Tập trung ứng dụng, đổi mới công nghệ vào các lĩnh vực có thế mạnh như: Công nghiệp chế tạo máy, điện tử, gia công kim loại và cơ khí lắp ráp; công nghiệp nhẹ, chế biến nông, lâm, thủy sản, thực phẩm, sản xuất hàng tiêu dùng; công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng; công nghiệp sản xuất kim loại; công nghiệp khai thác và chế biến khoáng sản; công nghiệp sản xuất phân phối điện, nước và xử lý chất thải; công nghiệp hoá chất; công nghiệp chuyển giao và ứng dụng công nghệ cao; công nghệ sinh học; công nghệ thông tin; phát triển các ngành công nghiệp phụ trợ cho lắp ráp động cơ.

Đối với lĩnh vực Xây dựng: Đầu tư khoa học công nghệ hiện đại trong lĩnh vực chế biến nguyên liệu nhằm ổn định và nâng cao chất lượng đầu vào, góp phần nâng cao chất lượng sản phẩm vật liệu xây dựng, sử dụng hiệu quả tài nguyên khoáng sản và bảo vệ môi trường. Nghiên cứu phát triển sản phẩm mới, công nghệ mới, sử dụng phế thải làm nguyên liệu, nhiên liệu thay thế; giảm tiêu hao năng lượng;

nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm vật liệu xây dựng. Nghiên cứu phát triển các loại vật liệu xây dựng phù hợp với công nghệ thi công xây dựng hiện đại, tăng năng suất lao động, giảm giá thành công trình. Đẩy mạnh nghiên cứu trong lĩnh vực chế tạo cơ khí, sản xuất thiết bị, phụ tùng thay thế; tăng cường ứng dụng cơ giới hóa, tự động hóa trong sản xuất vật liệu xây dựng.

Đối với lĩnh vực Giao thông: Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ tiên tiến vào lĩnh vực giao thông - vận tải; giám sát thông minh trong hệ thống giao thông thông minh và các thành phố thông minh; các công cụ ứng dụng trong phát triển đô thị thông minh và phát triển bền vững... Tập trung phát triển những hạ tầng lớn, hiện đại, có sức lan tỏa; tổ chức hoạt động vận tải trong điều kiện hạ tầng chưa phát triển đồng bộ nhằm giảm chi phí vận tải.

Đối với lĩnh vực Giáo dục và đào tạo: Nghiên cứu các giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo ở tất cả các cấp học, bậc học; đổi mới công tác quản lý giáo dục và quản trị nhà trường; phát huy tinh thần đổi mới, sáng tạo của đội ngũ nhà giáo trong công tác giảng dạy, nghiên cứu khoa học; khơi dậy tinh thần chủ động, tích cực, sáng tạo của học sinh, sinh viên trong học tập, rèn luyện, khởi nghiệp; thực hiện chuyển đổi số trong ngành giáo dục.

Đối với lĩnh vực Y tế: Tiếp tục nghiên cứu, ứng dụng các thành tựu khoa học và công nghệ mới; các kỹ thuật chuyên môn sâu, trang thiết bị, công nghệ hiện đại trên tất cả các lĩnh vực (khám chữa bệnh, dự phòng, an toàn vệ sinh thực phẩm,...). Nghiên cứu, ứng dụng các phương pháp điều trị bệnh kết hợp giữa y học hiện đại và y học cổ truyền. Tiếp tục ứng dụng và phát triển công nghệ thông minh trong y tế, thực hiện mục tiêu chuyển đổi số y tế, góp phần xây dựng hệ thống y tế tỉnh Phú Thọ hiện đại, chất lượng, công bằng, minh bạch,

hiệu quả và hội nhập quốc tế; giúp người dân dễ dàng tiếp cận, sử dụng các dịch vụ y tế có hiệu quả cao nhất ở mọi lúc, mọi nơi và được chăm sóc sức khỏe toàn diện, liên tục, suốt đời. Nghiên cứu phát triển nguồn thảo dược, sản xuất các loại thuốc, thực phẩm chức năng từ nguồn thảo dược của địa phương.

Đối với lĩnh vực Văn hóa và Du lịch: Nghiên cứu các biện pháp khoa học và công nghệ để giữ gìn, bảo tồn và phát huy giá trị các di sản văn hóa vật thể và phi vật thể. Ứng dụng và phát triển mô hình phát triển du lịch cộng đồng, du lịch sinh thái, du lịch văn hoá lịch sử gắn với phát triển kinh tế - xã hội và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc ở những vùng có tiềm năng của tỉnh. Nghiên cứu các giá trị truyền thống, lịch sử, văn hoá, các tiềm năng và lợi thế về cảnh quan thiên nhiên của tỉnh, đề xuất các giải pháp bảo tồn, khai thác phục vụ du lịch.

Đối với lĩnh vực Công nghệ, thông tin và truyền thông: Phát triển công nghệ thông tin và truyền thông, công nghệ số để làm nòng cốt thúc đẩy chuyển đổi số trong các lĩnh vực kinh tế - xã hội, chủ động hợp tác về chuyển giao công nghệ kết hợp với đẩy mạnh nghiên cứu và phát triển để làm chủ, tiếp thu và ứng dụng rộng rãi các công nghệ tiên tiến vào các ngành sản xuất, dịch vụ và quản lý xã hội; xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động quản lý nhà nước, hình thành Chính phủ điện tử từ tỉnh đến xã; khuyến khích ứng dụng rộng rãi công nghệ thông tin trong quản lý kinh tế, điều hành, sản xuất - kinh doanh và xã hội; phát triển mạnh công nghiệp phần mềm, hình thành khu công nghệ thông tin tập trung, trung tâm dữ liệu của tỉnh. Dành nguồn lực cho phát triển công nghiệp công nghệ thông tin: Công nghiệp phần cứng, công nghiệp phần mềm, công nghiệp nội dung số.

Đối với lĩnh vực Lao động - xã hội: Nghiên cứu và làm rõ các thực trạng liên quan đến

việc thực hiện các chính sách lao động và xã hội trên địa bàn tỉnh. Cần có những chính sách thích hợp đối với việc sử dụng nguồn lao động nhất là lực lượng lao động có chuyên môn kỹ thuật cao. Giải quyết việc làm cho nguồn lao động dư thừa và ít việc làm tại các huyện trong tỉnh góp phần thực hiện nhiệm vụ giảm nghèo, giải quyết việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động. Tăng cường số lượng và chất lượng nguồn nhân lực cho đổi mới sáng tạo, đặc biệt là đào tạo nghề trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng để gia tăng số lượng sinh viên kỹ thuật và nghiên cứu. Tạo thêm cơ hội nâng cao kỹ năng nghề cho những người đã tham gia lực lượng lao động và nâng cao hiệu quả đào tạo nghề ngắn hạn đáp ứng nhu cầu phát triển của khoa học và công nghệ.

Đối với lĩnh vực Tài nguyên và môi trường: Phát triển, ứng dụng công nghệ hiện đại trong quản lý, sử dụng, khai thác hợp lý tài nguyên đất, nước, rừng; phòng chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu. Ưu tiên cấp phép đầu tư các dự án có công nghệ tiên tiến, công nghệ sạch, thân thiện với môi trường; thực hiện nghiêm các biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn việc đưa công nghệ, máy móc, phương tiện, thiết bị cũ, lạc hậu có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường vào sử dụng trên địa bàn tỉnh. Khuyến khích các doanh nghiệp thực hiện nghiên cứu, chuyển giao, đổi mới công nghệ hướng đến sản xuất sạch, bảo vệ môi trường. Ứng dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại để xử lý rác thải công nghiệp, nông nghiệp, đô thị, sinh hoạt, y tế;

Đối với lĩnh vực Quốc phòng an ninh: Đẩy mạnh nghiên cứu ứng dụng khoa học và công nghệ trong quốc phòng an ninh nhằm hiện đại hóa vũ khí, khí tài, xây dựng lực lượng vũ trang chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại. Tăng cường ứng dụng khoa học và công nghệ để nâng cao hiệu quả trong công tác nghiệp vụ, phục vụ nhiệm vụ phòng ngừa, đấu tranh với các loại tội phạm, đặc biệt là

tội phạm công nghệ cao, góp phần giữ vững ổn định an ninh chính trị ở địa phương. Thúc đẩy các hoạt động sáng kiến, cải tiến kỹ thuật trong toàn lực lượng vũ trang; duy trì công tác quản lý các sáng kiến cải tiến kỹ thuật đảm bảo chặt chẽ, khoa học theo đúng quy định.

Đối với lĩnh vực thương mại, tài chính, ngân hàng, bảo hiểm và các dịch vụ khác: Tập trung xây dựng và ứng dụng công nghệ thông tin, các nền tảng công nghệ số. Phát triển, ứng dụng khoa học công nghệ ngành ngân hàng, tài chính và phát triển các sản phẩm, dịch vụ ngân hàng hiện đại, tăng cường khả năng tiếp cận dịch vụ ngân hàng. Xây dựng nền tảng cơ sở dữ liệu lớn, thiết yếu, thực hiện chuyển đổi số trong các lĩnh vực dịch vụ công, chính phủ điện tử. Nghiên cứu và ứng dụng công nghệ phần mềm, công nghệ số, đặc biệt là trí tuệ nhân tạo, Internet vạn vật, dữ liệu lớn, điện toán đám mây, chuỗi khối các nền tảng công nghệ phục vụ chuyển đổi số trong các dịch vụ công, các dịch vụ tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, thương mại, logistics. Xây dựng và quản lý thương hiệu, nhãn hiệu sản phẩm hàng hóa, chất lượng của sản phẩm, đặc biệt là các sản phẩm về thành phần có ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe của cộng đồng. Phát triển các ngành công nghiệp, nông nghiệp công nghệ cao, dịch vụ và xúc tiến thương mại. Phát triển các mô hình hội chợ thương mại điện tử, gian hàng trực tuyến.

(3) Tổ chức thực hiện có hiệu quả các chương trình, đề án khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh

Các chương trình khoa học và công nghệ của quốc gia

Xây dựng các kế hoạch, đề án, dự án để thực hiện hiệu quả các chương trình, đề án khoa học và công nghệ quốc gia trên địa bàn tỉnh. Trong đó, tập trung ưu tiên nguồn lực, huy động các doanh nghiệp, các tổ chức khoa học và công nghệ tham gia một số các

chương trình, đề án trọng tâm sau: Chương trình đổi mới công nghệ quốc gia đến năm 2030; Chương trình quốc gia phát triển công nghệ cao đến năm 2030; Chương trình phát triển thị trường khoa học và công nghệ quốc gia đến năm 2030; Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021-2030; Chương trình hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ đến năm 2030; Đề án Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025; Chương trình hỗ trợ ứng dụng và chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ phục vụ nông thôn, miền núi.v.v.

Các Chương trình khoa học và công nghệ của tỉnh

Tổ chức triển khai, thực hiện có hiệu quả các chương trình của tỉnh, trong đó tập trung vào các chương trình: Chương trình ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ vào sản xuất và đời sống trên địa bàn tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2021-2025; Chương trình Phát triển tài sản trí tuệ trên địa bàn tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2021-2030; Chương trình Hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ sản xuất công nghiệp đổi mới hiện đại hóa công nghệ trong các lĩnh vực ưu tiên phát triển trên địa bàn tỉnh; Kế hoạch hỗ trợ nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, hàng hoá dựa trên nền tảng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo giai đoạn 2021-2025.

(4) Xây dựng và phát triển hệ thống đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh

Xây dựng, phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo của tỉnh, liên kết chặt chẽ với các tỉnh trong nước. Phát triển các hệ sinh thái đổi mới sáng tạo trong các ngành công nghiệp, nông nghiệp và dịch vụ gắn với chuỗi giá trị nội địa và toàn cầu, các cụm liên kết ngành; trong đó các doanh nghiệp lớn có vai trò trung tâm dẫn dắt các hoạt động đổi mới sáng tạo,

các cơ quan quản lý nhà nước có vai trò kiến tạo môi trường thể chế chính sách thuận lợi, thúc đẩy liên kết giữa các doanh nghiệp, viện nghiên cứu, trường đại học tổ chức hỗ trợ trong hoạt động nghiên cứu, ứng dụng và đổi mới sáng tạo

Liên kết mạng lưới đổi mới sáng tạo, mạng lưới khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, các trung tâm đổi mới sáng tạo, các trung tâm nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong và ngoài tỉnh.

Hoạt động đổi mới sáng tạo trong các ngành, lĩnh vực bám sát các công nghệ ưu tiên nhằm nâng cao hiệu quả của công tác quản lý nhà nước và qua đó hình thành các chuỗi sản xuất, sản phẩm có giá trị kinh tế cao, góp phần phát triển kinh tế xã hội nhanh, bền vững và nâng cao đời sống tinh thần của nhân dân.

Một số giải pháp thực hiện: Đổi mới cơ chế hoạt động, nâng cao năng lực quản lý nhà nước về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; Huy động nguồn lực đầu tư cho khoa học và công nghệ; Đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, phát triển và khai thác có hiệu quả hạ tầng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; Phát triển nguồn nhân lực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có trình độ và năng lực sáng tạo cao; Phát triển các viện nghiên cứu, trường đại học và các tổ chức khoa học và công nghệ khác trở thành các chủ thể nghiên cứu mạnh; Phát triển thị trường khoa học và công nghệ; Đẩy mạnh các hoạt động đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh, liên kết với hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia, thúc đẩy hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp; Tăng cường hợp tác trong nước và quốc tế về khoa học và công nghệ; Tăng cường hoạt động truyền thông, nâng cao nhận thức về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

L.C

PHÚ THỌ XÂY DỰNG THƯƠNG HIỆU ĐỐI VỚI CÁC SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP, NÔNG NGHIỆP CÓ THỂ MẠNH, LỢI THẾ CẠNH TRANH TRONG 03 NĂM GẦN ĐÂY



Vân Anh

Phòng QLCN và Chuyên ngành

Nhằm tạo động lực thúc đẩy xây dựng thương hiệu, chỉ dẫn địa lý và bảo hộ sở hữu trí tuệ đối với các sản phẩm công nghiệp, nông nghiệp có thể mạnh, lợi thế cạnh tranh của tỉnh, UBND tỉnh Phú Thọ đã ban hành Chương trình phát triển tài sản trí tuệ trên địa bàn tỉnh Phú Thọ theo từng giai đoạn. Với mục tiêu nâng cao nhận thức, năng lực về sở hữu trí tuệ cho các tổ chức, cá nhân về tạo lập, quản lý, bảo vệ và phát triển tài sản trí tuệ, đưa SHTT thực sự trở thành công cụ quan trọng, góp phần làm tăng năng suất, chất lượng, giá trị, sức cạnh tranh của các sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ của tỉnh, trong đó ưu tiên hỗ trợ các sản phẩm nông nghiệp, công nghiệp có lợi thế, tiềm năng xuất khẩu; Tạo môi trường khuyến khích đổi mới sáng tạo và thúc đẩy phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của tỉnh trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng; từ đó, góp phần nâng cao thu nhập của người dân và doanh nghiệp; bảo vệ môi trường và sức khỏe cho cộng đồng, góp phần phát triển kinh tế xã hội của tỉnh.

Triển khai thực hiện Chương trình qua các giai đoạn đã và đang tập trung hỗ trợ tạo lập, quản lý, khai thác và phát triển cho các sản phẩm chủ lực, đặc thù, có lợi thế của tỉnh gắn với thực hiện có hiệu quả các Chương trình phát triển kinh tế xã hội của tỉnh, trọng tâm là Chương trình mỗi xã một sản phẩm

(Chương trình OCOP) tỉnh Phú Thọ; Hỗ trợ tạo lập, quản lý, khai thác và phát triển các sáng chế, giải pháp hữu ích mang lại hiệu quả thiết thực cho các doanh nghiệp và người dân trong tỉnh. Thúc đẩy và nâng cao hiệu quả bảo hộ, quản lý, khai thác và phát triển tài sản trí tuệ của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh.

Qua triển khai đã xây dựng 70 chuyên mục phát sóng trên Đài phát thanh và truyền hình tỉnh, trang thông tin điện tử của Sở Khoa học và Công nghệ về các nội dung chủ yếu: Phổ biến kiến thức về SHTT tới của người dân, doanh nghiệp và tổ chức trên địa bàn tỉnh, hoạt động phát triển tài sản trí tuệ tại các doanh nghiệp, các trường, viện trên địa bàn tỉnh, công tác quản lý nhà nước đối với Sở hữu trí tuệ; các mô hình điển hình tiên tiến về hoạt động sở hữu trí tuệ trên địa bàn tỉnh, giới thiệu các sản phẩm, hàng hóa chủ lực, đặc trưng, có lợi thế trên địa bàn tỉnh, những kết quả nổi bật trong việc phát triển tài sản trí tuệ, xây dựng nhãn hiệu tập thể trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2016-2020...

Đã tạo lập bảo hộ cho 43 sản phẩm, hàng hóa dưới các hình thức nhãn hiệu chứng nhận, nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu hàng hóa, trong đó phải kể đến nhãn hiệu chứng nhận Chè Phú Thọ. 100% sản phẩm sau bảo hộ đã đẩy mạnh công tác tuyên truyền, quảng bá rộng rãi trên thị trường, tác động mạnh mẽ đến giá

trị và tạo thị trường tiêu thụ ổn định không chỉ tại hệ thống các siêu thị mà còn tại hệ thống các kênh phân phối tiêu thụ khác, đồng thời nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị và sức cạnh tranh của sản phẩm. Điển hình như: *Sản phẩm gà nhiều cựa huyện Tân Sơn*, sau xác lập nhãn hiệu tập thể đã tăng giá bán cao gấp 2-3 lần, với giá bán dao động từ 200.000-300.000 đ/kg đồng đối với gà thương phẩm, từ 300.000 - 500.000 đ/kg đối với gà bố mẹ, quy mô tăng từ 18.000 con năm 2016 lên gần 30.000 con năm 2020, sản lượng tiêu thụ tăng lên đáng kể qua đó đã nâng cao thu nhập cho bà con nông dân trên địa bàn huyện Tân Sơn; *Sản phẩm quả Hồng Không hạt xã Gia Thanh, huyện Phù Ninh*, sau cấp giấy chứng nhận và dán tem nhãn hiệu tập thể, giá bán tăng từ 20.000-25.000 đ/kg lên đến 35.000-40.000 đ/kg, có khi lên tới 60.000 đ/kg, quy mô sản xuất được mở rộng, phát triển tại 17/17 xã, thị trấn của huyện Phù Ninh với tổng diện tích là 92,5 ha trong đó: diện tích đã cho sản phẩm là 60,1 ha; năng suất đạt 133 tạ/ha, sản lượng là 799,3 tấn. Giá trị bình quân trên đơn vị diện tích trồng hồng Gia Thanh đạt gần 500 triệu đồng/ha. Sản phẩm *Mì gạo Hùng Lô* sau khi được bảo hộ nhãn hiệu, tổng sản lượng sản xuất đến nay đạt mức 450 tấn mì, cho doanh thu đạt trên 9 tỉ đồng, tăng 12%, lợi nhuận đạt 400 triệu đồng tăng 25% so với năm 2018 và tăng gấp hơn 4 lần so với năm 2016, sản xuất luôn tiêu thụ hết trong tháng không có sản phẩm tồn kho. Thu nhập bình quân đạt 5 triệu đồng/người/tháng; *Sản phẩm “chè xanh Phú Hộ”* sau xác lập nhãn hiệu tập thể đến nay đã tăng giá trị sản phẩm lên từ 200.000 - 300.000 đồng/ 1kg so với 150.000 - 200.000 đồng/kg năm 2016, mang lại thu nhập cho người lao động từ 5 triệu/tháng lên 6.5 - 7 triệu/người/tháng qua đó đã góp phần mở rộng sản xuất, nâng cao vị thế, sức cạnh tranh của sản phẩm trên thị trường; *Sản phẩm Cá chép đỏ Thủy Trầm (huyện Cẩm Khê)* sau khi được

bảo hộ nhãn hiệu tập thể đã tăng giá bán từ 80.000 đ/kg lên 180.000đ/kg-200.000 đ/kg. Doanh thu từ hoạt động sản xuất, kinh doanh Cá chép đỏ Thủy Trầm đạt 85,5 tỷ đồng. Hiện nay sản phẩm Cá chép đỏ Thủy Trầm có thị trường tiêu thụ rộng rãi và ổn định tại tỉnh Phú Thọ và các tỉnh miền Bắc.

Hiện nay đang xây dựng chỉ dẫn địa lý cho lúa nếp gà gáy Mỹ Lung của xã Mỹ Lung huyện Yên Lập và đang đề xuất với Bộ KH&CN hỗ trợ xây dựng chỉ dẫn địa lý đối với sản phẩm hồng không hạt Gia Thanh của huyện Phù Ninh tỉnh Phú Thọ. Đây được xác định là 2 sản phẩm nông nghiệp mang đặc trưng riêng của các địa phương trong tỉnh. Đồng thời tiếp tục triển khai hỗ trợ xây dựng nhãn hiệu chứng nhận, nhãn hiệu tập thể đối với các sản phẩm đặc trưng khác của tỉnh như: nhãn hiệu chứng nhận đối với vải chín sớm Hùng Long của huyện Đoan Hùng, măng gậy Trung Sơn của huyện Yên Lập, rượu ngô của huyện Tân Sơn, nhãn hiệu tập thể tôm càng xanh Văn Khúc của huyện Cẩm Khê, bánh sắn Phong Châu của huyện Phù Ninh,...

Để xây dựng các thương hiệu phát triển hơn nữa trong thời gian tới, cần tiếp tục tổ chức triển khai, thực hiện có hiệu quả các chương trình của tỉnh, trong đó tập trung vào các Chương trình phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh đến năm 2030; Chương trình Phát triển tài sản trí tuệ trên địa bàn tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2021-2030; Kế hoạch hỗ trợ nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, hàng hoá dựa trên nền tảng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo giai đoạn 2021-2025;...

Tăng cường đầu tư hỗ trợ hoạt động tạo lập, khai thác và phát triển bảo hộ SHTT đối với các sản phẩm chủ lực, sản phẩm đặc thù, có lợi thế, sản phẩm làng nghề và sản phẩm OCOP của tỉnh và sản phẩm của doanh nghiệp. Hàng năm tăng tỉ lệ đầu tư từ

(Xem tiếp trang 29)

KẾT QUẢ 03 NĂM THỰC HIỆN CHỈ THỊ SỐ 36-CT/TW NGÀY 16/8/2019 CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

VỀ TĂNG CƯỜNG, NÂNG CAO HIỆU QUẢ CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG VÀ KIỂM SOÁT MA TÚY CỦA SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ PHÚ THỌ

► Công Hào
Phòng Quản lý Khoa học

Thực hiện Chỉ thị số 36-CT/TW ngày 16/8/2019 của Bộ Chính trị về tăng cường, nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống và kiểm soát ma túy; hơn 3 năm qua, Đảng ủy Sở Khoa học và Công nghệ Phú Thọ đã triển khai đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp thực hiện và đạt kết quả quan trọng.



Sở Khoa học và Công nghệ đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt thực hiện toàn diện công tác phòng, chống ma túy đối với các phòng, đơn vị trực thuộc. Tiếp tục quán triệt và triển khai thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả các nội dung của Chỉ thị 36-CT/TW của Bộ Chính trị và Kế hoạch số 101-KH/TU ngày 11/11/2019 của Tỉnh ủy Phú Thọ; Kế hoạch số 189/KH_UBND ngày 16/01/2020 của UBND tỉnh Phú Thọ về thực hiện Chỉ thị số 36-CT/TW ngày 16/8/2019 của Bộ Chính trị về tăng cường, nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống và kiểm soát ma túy. Triển khai thực hiện có hiệu quả các nội dung công tác phòng chống và kiểm soát ma túy;

tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc thực hiện các nhiệm vụ công tác phòng chống và kiểm soát ma túy; huy động cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, người lao động tích cực, nhiệt tình tham gia các hoạt động phòng chống và kiểm soát ma túy trên địa bàn.

Hàng năm, trong quá trình triển khai thực hiện đã thường xuyên đôn đốc, kiểm tra việc triển khai thực hiện của CBCCV, làm tốt công tác phối hợp trong việc phòng, chống và kiểm soát ma túy trong phạm vi của ngành khoa học và công nghệ. Thực hiện nghiêm túc quy định về xử lý trách nhiệm đối với cấp ủy, cán bộ, đảng viên buông lỏng trách

nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo hoặc có sai phạm trong công tác phòng, chống và kiểm soát ma túy, tình hình đảng viên vi phạm pháp luật về phòng chống ma túy và đảng viên bị xử lý kỷ luật do liên đới vì để người thân trong gia đình nghiện ma túy và phạm tội ma túy.

Dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo nghiêm túc, thường xuyên của Đảng ủy Sở và các cấp ủy chi bộ trực thuộc, trong 3 năm qua, trong ngành Khoa học và Công nghệ không xảy ra tình trạng CBCCVN, người lao động và người thân có liên quan tới tệ nạn ma túy. Đảng ủy Sở KH&CN đã lãnh đạo, chỉ đạo các chi bộ trực thuộc, các đảng viên, quần chúng trong Đảng ủy, cơ quan nghiêm túc, chủ động kịp thời triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp trong công tác phòng, chống ma túy theo tinh thần Chỉ thị số 36-CT/TW ngày 16/8/2019 của Bộ Chính trị, các kế hoạch triển khai của Tỉnh ủy, UBND tỉnh Phú Thọ.

Về tăng cường, nâng cao hiệu quả công tác lãnh đạo, chỉ đạo về phòng, chống và kiểm soát ma túy

Đảng ủy Sở, Chi ủy các chi bộ trực thuộc Đảng bộ đã nhận thức được đầy đủ vai trò, trách nhiệm và lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt công tác phòng, chống và kiểm soát ma túy. Người đứng đầu cấp ủy cơ quan và đơn vị trực thuộc Sở chịu trách nhiệm chính về tình hình tội phạm và tệ nạn ma túy tại đơn vị quản lý; tập trung chỉ đạo, phối hợp với các đơn vị chức năng trong công tác phòng, chống và kiểm soát ma túy tại địa bàn, xem đây là nhiệm vụ trọng tâm, cấp bách, thường xuyên, liên tục và lâu dài. Hàng năm xây dựng lồng ghép nội dung công tác phòng, chống và kiểm soát ma túy trong chương trình, kế hoạch lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng ủy, trong Chương trình công tác của Sở và của các phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc Sở; định kỳ báo cáo và cho ý kiến về thực hiện nhiệm vụ phòng, chống ma túy tại đơn vị quản lý.

Thường xuyên tổ chức kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện công tác phòng, chống và

kiểm soát ma túy ở cơ quan, đơn vị; nghiêm túc kiểm điểm, đánh giá sát, đúng tình hình, kết quả công tác phòng, chống ma túy của cơ quan, đơn vị cũng như việc thực hiện kế hoạch, biện pháp khắc phục những hạn chế, thiếu sót, bất cập trong công tác phòng, chống và kiểm soát ma túy tại đơn vị.

Mỗi cán bộ, đảng viên, người lao động luôn phát huy tốt vai trò tiên phong, gương mẫu trong phòng, chống ma túy; có trách nhiệm tuyên truyền, vận động gia đình, người thân và nhân dân nơi cư trú thực hiện tốt các quy định của pháp luật về phòng, chống ma túy.

Về tăng cường công tác tuyên truyền phòng, chống ma túy

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật về công tác phòng, chống và kiểm soát ma túy, tập trung các vấn đề: các quy định của Luật Phòng, chống ma túy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng, chống ma túy; cách nhận biết và hậu quả, tác hại của ma túy, đặc biệt là các loại ma túy mới; chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác cai nghiện ma túy; trách nhiệm của gia đình trong giáo dục con, cháu tham gia phòng chống ma túy; hỗ trợ, giúp đỡ người nghiện ma túy tái hòa cộng đồng, chống tái nghiện, không có thái độ kỳ thị, phân biệt;... 100% cán bộ, công chức, viên chức và người lao động được thông tin, hướng dẫn kỹ năng phòng ngừa ma túy, đặc biệt là đối với cán bộ trẻ.

Thực hiện đăng ký cam kết xây dựng đơn vị không có ma túy và tổ chức thực hiện hiệu quả; vận động cán bộ, công chức, viên chức, người lao động tích cực tham gia triển khai *Tháng hành động, phòng chống ma túy, Ngày Quốc tế phòng, chống ma túy* và *Ngày toàn dân phòng, chống ma túy* (ngày 26/6), tham gia phong trào Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, tích cực tham gia công tác đấu tranh với tội phạm ma túy, phòng chống lây nhiễm HIV/AIDS,... để nâng cao tính tích cực, chủ động tham gia phát hiện, tố giác và lên án tội phạm liên quan đến ma túy.

Công tác đấu tranh, xử lý tội phạm và tệ nạn ma túy

Thường xuyên theo dõi, nắm bắt tư tưởng của công chức, viên chức, người lao động trong các phòng chuyên môn và các đơn vị trực thuộc để kịp thời phát hiện, ngăn chặn và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật về ma túy.

Phát huy vai trò của các tổ chức đoàn thể trong cơ quan, đơn vị tham gia các hoạt động phòng, chống ma túy, đặc biệt là lực lượng Đoàn thanh niên giữ vai trò xung kích. Tuyên truyền, quán triệt cán bộ, công chức cảnh giác, tránh xa và tham gia tố giác các đối tượng lợi dụng các sự kiện, lễ hội, hội chợ, điểm vui chơi công cộng, các quán bar, karaoke, nhà hàng, khách sạn để tổ chức sử dụng, chứa chấp, lôi kéo sử dụng trái phép chất ma túy; các cá nhân, tổ chức mua bán các chất gây nghiện, chất gây ảo giác trên mạng internet, mạng xã hội.

Công chức, viên chức và người lao động của Sở luôn chủ động tránh xa ma túy; gương mẫu, nêu cao tinh thần, trách nhiệm và thực hiện tốt việc vận động, tuyên truyền gia đình, người thân tránh xa ma túy; tích cực tham gia phát giác, tố giác tội phạm ma túy, người nghiện ma túy, các hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

Về đẩy mạnh công tác nghiên cứu khoa học và sơ kết, tổng kết để nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống và kiểm soát ma túy

Công tác nghiên cứu khoa học: Hàng năm, Sở KH&CN đã hướng dẫn các tổ chức, cá nhân đề xuất, đặt hàng triển khai thực hiện các nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước cấp, trong đó có lồng ghép định hướng các nội dung đặt hàng, đề xuất nhiệm vụ nghiên cứu khoa học về công tác phòng, chống ma túy, về đấu tranh tranh, phòng, chống tội phạm ma túy, điều trị cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy... Tuy nhiên trong 3 năm qua, trên địa bàn tỉnh chưa có nhiệm vụ KH&CN nào về công

tác phòng, chống ma túy nói chung, về đấu tranh tranh, phòng, chống tội phạm ma túy, điều trị cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy nói riêng được đề xuất, phê duyệt thực hiện.

Công tác tổng kết, sơ kết kết quả phòng, chống ma túy: Hàng năm, Đảng ủy Sở lãnh đạo, chỉ đạo các Chi bộ trực thuộc tổ chức tổng kết kết quả công tác phòng, chống ma túy lồng ghép trong Hội nghị kiểm điểm, đánh giá chất lượng tổ chức cơ sở đảng, đảng viên.

Việc tổ chức sơ kết 3 năm thực hiện Chỉ thị số 36-CT/TW của Bộ Chính trị được thực hiện thống nhất theo kế hoạch số 38-KH/TU ngày 06/4/2022 của Tỉnh ủy Phú Thọ, có trọng tâm, trọng điểm, thiết thực, hiệu quả và phù hợp với tình hình thực tế, yêu cầu công tác của cơ quan, đơn vị và trong điều kiện phòng, chống dịch bệnh Covid-19. Kết quả sơ kết: Người đứng đầu Đảng ủy và chính quyền Sở đã nhận thức được đầy đủ vai trò, trách nhiệm và lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện quyết liệt công tác phòng, chống và kiểm soát ma túy; 100% cán bộ, đảng viên ngành khoa học công nghệ đã được phổ biến, quán triệt về nội dung Chỉ thị của Bộ Chính trị và các kế hoạch triển khai thực hiện của Tỉnh ủy, UBND tỉnh; 100% CBCCVC, người lao động của Sở đã nghiêm túc, tích cực, thường xuyên tham gia tuyên truyền, phổ biến và vận động gia đình, người thân và nhân dân nơi cư trú về công tác phòng, chống ma túy, tham gia hoạt động phòng, chống tệ nạn ma túy,...

Qua các kết quả đã nêu ở trên, có thể thấy công tác lãnh đạo, chỉ đạo phổ biến, quán triệt nội dung Chỉ thị số 36-CT/TW của Bộ chính trị đã được triển khai thực hiện nghiêm túc, kịp thời, sâu rộng tới các CBCCVC, người lao động trong cơ quan và nhận được sự đồng thuận cao trong toàn cơ quan. 100% CBCCVC và người lao động tích cực hưởng ứng, chủ động tham gia đấu tranh phòng, chống ma túy, góp phần ổn định an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn và tạo môi trường làm việc lành mạnh.

C.H

NGHIÊN CỨU ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN xây dựng sàn giao dịch thương mại nông sản, thực phẩm an toàn trên địa bàn tỉnh Phú Thọ

► Minh Phượng
Liên minh HTX tỉnh Phú Thọ



Hội nghị nghiệm thu đề tài nghiên cứu khoa học

Hiện nay trên địa bàn tỉnh Phú Thọ, loại hình kinh tế hộ, cá thể vẫn chiếm đa số và có những đóng góp quan trọng cho sự phát triển kinh tế. Tuy nhiên, cùng với yêu cầu của nền kinh tế hội nhập sâu, kinh tế hộ, cá thể đã bộc lộ những hạn chế của tư duy sản xuất, nhỏ lẻ, manh mún, giá trị thấp, thiếu sức cạnh tranh. Những năm trở lại đây, với sự quan tâm của Đảng và Nhà nước trong khuyến khích, hỗ trợ phát triển các mô hình sản xuất quy mô lớn thông qua hợp tác, nhiều

hộ nông dân chuyển từ quy mô nhỏ thành sản xuất hàng hóa, trao đổi sản phẩm quy mô lớn trên thị trường thông qua tổ chức các mô hình hợp tác xã. Để các hợp tác xã tham gia vào nhiều hơn, sâu hơn trong chuỗi giá trị sản phẩm hàng hóa, từ đó nâng cao thu nhập thì cơ chế thông tin, kết nối thị trường là điều quan trọng và có ý nghĩa căn bản để đưa ra quyết định sản xuất cái gì, sản xuất cho ai và sản xuất như thế nào? Cùng với đó, người tiêu dùng nói chung còn ít và thiếu thông tin về

hợp tác xã cũng như sản phẩm do các hợp tác xã sản xuất ra. Nguyên nhân cơ bản của vấn đề này, đó là các hợp tác xã hiện nay còn lúng túng, ít tiếp cận được các kênh tuyên truyền, quảng bá, hay tự thiết lập các kênh thông tin hỗ trợ kết nối giữa người sản xuất, kinh doanh sản phẩm và người tiêu dùng. Trình độ cán bộ quản lý, chuyên môn về xúc tiến thương mại, thương mại điện tử chưa đáp ứng yêu cầu. Kết cấu hạ tầng sản xuất kinh doanh, công nghệ thông tin còn rất thiếu và yếu. Xuất phát từ thực tế đó, để thúc đẩy hơn nữa quá trình hợp tác, trước tiên là hợp tác trong khu vực các hợp tác xã trên địa bàn, làm hạt nhân cho việc hợp tác, kết nối để mở rộng thị trường trong và ngoài tỉnh, đồng thời tiết kiệm chi phí cho việc mỗi hợp tác xã phải đầu tư kết nối hạ tầng công nghệ thông tin, con người cho hoạt động tuyên truyền, kết nối tiêu thụ sản phẩm, thì việc thực hiện nghiên cứu “Ứng dụng công nghệ thông tin xây dựng sàn giao dịch thương mại điện tử nông sản, thực phẩm an toàn trên địa bàn tỉnh Phú Thọ” cho các hợp tác xã là rất cần thiết.

Mục tiêu của đề tài là xây dựng sàn giao dịch thương mại điện tử nông sản, thực phẩm trên địa bàn tỉnh Phú Thọ nhằm thiết kế kênh quảng bá, tiêu thụ sản phẩm nông sản đến người tiêu dùng thông qua giao dịch thương mại điện tử; đồng thời giúp hợp tác xã thay đổi tư duy nhận thức, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong tổ chức hoạt động và sản xuất kinh doanh; góp phần quan trọng trong triển khai thực hiện Chương trình chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới, hướng tới nông thôn mới thông minh giai đoạn 2021 - 2025.

Đề tài đã được triển khai thực hiện từ tháng 4 năm 2020 đến hết tháng 9 năm 2022. Sau hơn 2 năm triển khai thực hiện, cơ quan chủ trì Liên minh Hợp tác xã tỉnh cùng cơ quan phối hợp Trung tâm Công nghệ và Truyền thông (Sở Thông tin & Truyền thông) đã hoàn thiện các nội dung theo thuyết minh được phê duyệt và hợp đồng đã ký kết, cụ thể: tiến hành điều tra, khảo sát đánh giá thực trạng sản xuất, kinh doanh các sản phẩm nông sản của các hợp tác xã trên địa bàn tỉnh Phú Thọ; thu thập cơ sở dữ liệu các sản phẩm của các

hợp tác xã; nhãn hiệu tập thể; hộ sản xuất và kinh doanh trên địa bàn tỉnh Phú Thọ; xây dựng được quy trình quản lý, khai thác sàn giao dịch thương mại điện tử; tổ chức các đợt tập huấn, hội thảo về nâng cao năng lực quản trị, vận hành, khai thác trên sàn cho trên 20 hợp tác xã có sản phẩm hàng hóa, sản phẩm OCOP, sản phẩm chủ lực của tỉnh và đề xuất được các giải pháp về kết nối, vận hành cho các hợp tác xã quảng bá hình ảnh sản phẩm thường xuyên trên sàn giao dịch thương mại điện tử.

Việc ứng dụng công nghệ thông tin xây dựng phần mềm sàn giao dịch thương mại điện tử nông sản, thực phẩm an toàn trên địa bàn tỉnh Phú Thọ là một công cụ hỗ trợ thương mại cho các doanh nghiệp trong bối cảnh kinh doanh hiện nay. Quảng bá thông tin và tiếp thị cho thị trường toàn cầu với chi phí thấp, dịch vụ tốt hơn, tăng doanh thu, giảm chi phí hoạt động, loại bỏ những trở ngại về không gian và thời gian giúp khách hàng có thể tham gia vào các sàn đấu giá trực tuyến, mua bán và tìm kiếm các hàng hóa, dịch vụ mà mình đang quan tâm mọi lúc, mọi nơi.

Việc xây dựng thành công sàn thương mại điện tử nông sản, thực phẩm an toàn tỉnh Phú Thọ đã thiết lập được địa chỉ hữu ích cho người dân, Hợp tác xã, tạo một kênh thông tin quan trọng giúp cho việc quảng bá giới thiệu các sản phẩm nông sản của tỉnh và kết nối cung cầu giữa các đối tác được nhanh chóng, thuận tiện hơn và là địa chỉ tin cậy cho người tiêu dùng. Đồng thời giúp cho người dân, các hợp tác xã có thêm cơ hội quảng bá, tiếp thị thông tin sản phẩm của cá nhân, đơn vị tới khách hàng trong và ngoài tỉnh, hướng tới xuất khẩu, qua đó góp phần vào việc phát triển kinh tế tập thể của địa phương.

Kết quả nghiên cứu của đề tài là cơ sở để hình thành và phát triển đa dạng các phương thức kinh doanh tiêu thụ nông sản theo chuỗi bền vững có ứng dụng thương mại điện tử và truy xuất nguồn gốc, phù hợp với điều kiện tự nhiên, trình độ, đặc điểm của sản xuất nông nghiệp và yêu cầu của thị trường trên địa bàn tỉnh Phú Thọ.

M.P

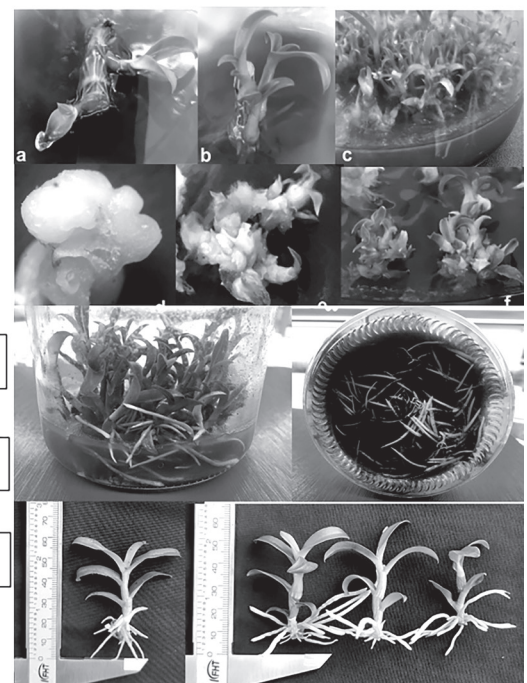
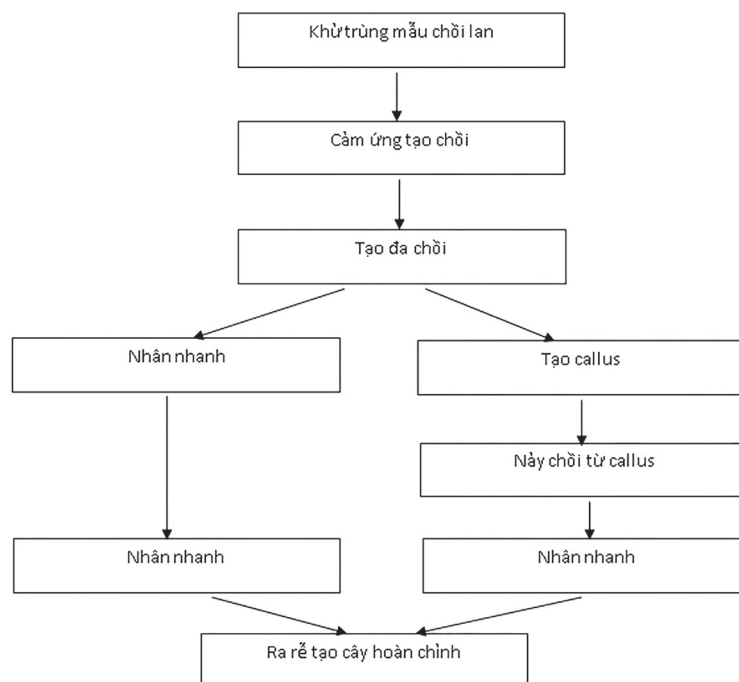
XÂY DỰNG MÔ HÌNH NHÂN GIỐNG VÀ TRỒNG THƯƠNG PHẨM LOÀI LAN BẢN ĐỊA 5 CÁNH TRẮNG VÀ 5 CÁNH XANH PHÚ THỌ

► Nguyễn Vương

Cây lan 5 cánh trắng, 5 cánh xanh là cây lan bản địa của Phú Thọ được người chơi lan khắp ba miền yêu thích, tại những thời điểm nhất định giá thành của chúng khá cao do đó không phải ai chơi lan cũng sở hữu được. Xuất phát từ nhu cầu thực tiễn và trên cơ sở vận dụng các kết quả nghiên cứu đã đạt được của Trường Đại học Hùng Vương như: đề tài NCKH cấp tỉnh “Ứng dụng kỹ thuật nhân giống một số loại hoa chất lượng cao bằng công nghệ sinh học tại Tuyên Quang”; “Nghiên cứu lựa chọn và xây dựng quy trình nhân giống một số loài phong lan có giá trị của Vườn Quốc gia Xuân Sơn, tỉnh Phú Thọ bằng công nghệ nuôi cấy mô tế bào”; đề

tài NCKH cấp tỉnh “Nghiên cứu hoàn thiện biện pháp kỹ thuật điều tiết ra hoa một số loài phong lan có giá trị ở Phú Thọ”. Năm 2020, Trường Đại học Hùng Vương đã được phê duyệt chủ trì thực hiện dự án KHCN cấp tỉnh “Xây dựng mô hình nhân giống và trồng thương phẩm loài lan bản địa 5 cánh trắng và 5 cánh xanh Phú Thọ (*Dendrobium anosmum* Lindl)”.

Mục tiêu triển khai của dự án là hoàn thiện được quy trình nhân giống in vitro lan 5 cánh trắng, 5 cánh xanh Phú Thọ, từ đó ứng dụng các quy trình công nghệ để xây dựng mô hình nhân giống, mô hình vườn ươm cây giống in vitro để chủ động cung cấp cây giống chất lượng cao góp phần bảo tồn, phát triển



Quá trình nhân giống hoa lan 5 cánh trắng và 5 cánh xanh bằng phương pháp In vitro



Hình ảnh Lan 5 cánh trắng Phú Thọ

loài lan quý, có giá trị cao đáp ứng nhu cầu thị trường, phù hợp với định hướng phát triển nông nghiệp công nghệ cao của tỉnh Phú Thọ.

Sau 3 năm triển khai thực hiện, nhóm nghiên cứu Trường Đại học Hùng Vương đã hoàn thiện các nội dung theo thuyết minh được phê duyệt, cụ thể: Đã khảo sát và đánh giá thực trạng trồng, chăm sóc và thương mại giống lan bản địa 5 cánh trắng, 5 cánh xanh trên quy mô 100 vườn lan lớn nhỏ thuộc 6 huyện trên địa bàn tỉnh Phú Thọ; Hoàn thiện bộ tiêu chí đánh giá về cây lan 5 cánh trắng và 5 cánh xanh tiêu chuẩn, đảm bảo cây được nhận diện đầy đủ về cả thân, lá, rễ, hoa và quả; xây dựng thành công 04 quy trình nhân giống invitro và kỹ thuật trồng, chăm sóc giống lan bản địa 5 cánh trắng, 5 cánh xanh Phú Thọ; sản xuất được trên 13.000 cây giống trong phòng thí nghiệm bằng phương pháp nhân giống in vitro; Đề xuất được phương án bảo tồn và thương mại hóa các giống lan bản địa 5 cánh trắng và 5 cánh xanh Phú Thọ; tổ chức đào tạo tập huấn được cho gần 50 lượt người nắm rõ về quy trình trồng và chăm sóc cây lan có nguồn gốc từ nuôi cấy mô...vv...

Với những kết quả triển khai đạt được, dự án đã cho thấy cây lan 5 cánh trắng, 5 cánh xanh được nuôi cấy *in vitro* từ nguồn gen cây bản địa đã khắc phục được hệ số nhân thấp do đó làm giảm giá thành sản phẩm, khi đó người chơi lan sẽ có nhiều cơ hội để chơi được những cây lan có giá trị. Dự án cũng góp phần từng bước xây dựng thương hiệu sản phẩm cây lan 5 cánh trắng, 5 cánh xanh Phú Thọ thành một sản phẩm hàng hóa, thúc đẩy hơn nữa ngành nông nghiệp công nghệ cao và du lịch tại tỉnh Phú Thọ.

N.V



NGHIÊN CỨU XÂY DỰNG QUY TRÌNH NHÂN GIỐNG, TRỒNG THÂM CANH, CHIẾT XUẤT TINH DẦU VÀ TRỒNG THỬ NGHIỆM CÂY HOẮC HƯƠNG TẠI TỈNH PHÚ THỌ

► Nguyễn Trang

Trường Đại học Hùng Vương

Phú Thọ là tỉnh trung du miền núi phía Bắc có tổng diện tích tự nhiên 3.534,5 km², trong đó diện tích đất sản xuất nông nghiệp 98.370.17 ha, có khả năng trồng cây dược liệu nói chung và cây hoắc hương nói riêng. Với đặc điểm đất có tầng canh tác dày 70-100 cm, dễ thoát nước, thoáng khí; nhiệt độ trung bình hàng năm 23,5 - 24,2°C, số giờ nắng trung bình năm 1350-1519 giờ, độ ẩm không khí 82-86%, lượng mưa 1.500-1.600 mm rất phù hợp cho sự sinh trưởng và phát triển của cây Hoắc hương để sản xuất tinh dầu.

Thực hiện chương trình nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của tỉnh Phú Thọ về ứng dụng công nghệ sinh học trong tạo nguồn giống cây thuốc chất lượng cao, phát triển cây nguyên, dược liệu trên địa bàn tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Phú Thọ đã phê duyệt thực hiện đề tài khoa học và công nghệ: “Nghiên cứu xây dựng quy trình nhân giống, trồng thâm canh, chiết xuất tinh dầu và mô hình trồng thử nghiệm cây Hoắc hương

(*Pogostemon cablin* (Blanco) Benth) tại tỉnh Phú Thọ” do Trường Đại học Hùng Vương chủ trì thực hiện, với mục tiêu: Xây dựng thành công quy trình kỹ thuật nhân giống và trồng thâm canh cây Hoắc hương góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất tinh dầu cây Hoắc hương. Đồng thời khai thác được tiềm năng, nâng cao hiệu quả đối với diện tích trồng cây sản xuất tinh dầu thông qua việc nghiên cứu sản xuất giống và trồng thâm canh cây Hoắc hương trên địa bàn tỉnh Phú Thọ.

Sau hơn 2 năm nghiên cứu triển khai thực hiện, đề tài đã đạt được những kết quả nổi



Hình ảnh cây Hoắc hương



Hội nghị nghiệm thu đề tài

bật sau: Chiết tách được 3 lít Tinh dầu Hoắc hương, Đạt chất lượng ISO 3757:2002; Xây dựng được các Quy trình nhân giống cây Hoắc hương bằng giâm hom; Quy trình nhân giống cây Hoắc hương bằng công nghệ *in vitro*; Quy trình kỹ thuật trồng thâm canh cây Hoắc hương; Quy trình chiết tách tinh dầu từ lá cây Hoắc hương; Xây dựng được Mô hình trồng cây Hoắc hương quy mô 2000 m², cây sinh trưởng, phát triển bình thường, năng suất lá tươi 1,5 tấn/ha/năm; Đề tài cũng đào tạo 10 cán bộ kỹ thuật có chứng chỉ đào tạo, nắm chắc được kiến thức và thực hành thực tế các quy trình nhân giống, trồng và chiết tách tinh dầu Hoắc hương. Tập huấn 100 lượt người dân nắm được kỹ thuật nhân giống, trồng thâm canh cây hoắc hương và chiết tách tinh dầu hoắc hương.

Với những kết quả mà đề tài mang lại có tác động rất lớn đối với mọi mặt đời sống kinh tế xã hội. Các quy trình nhân giống, kỹ thuật thâm canh, chế biến Hoắc hương được

nghiên cứu, xây dựng sẽ là cơ sở khoa học để gây trồng, phát triển dược liệu, là cơ sở khoa học về mặt lý thuyết và thực tiễn về quy trình sản xuất giống, quy trình trồng và chăm sóc cây Hoắc hương. Kết quả của đề tài còn góp phần đào tạo nhân lực, đào tạo người dân địa phương khu vực Trung du miền núi phía Bắc về kỹ thuật tạo giống, kỹ thuật canh tác, chế biến sản phẩm từ cây Hoắc hương, giúp cho các địa phương trong vùng chủ động được nguồn giống chất lượng tốt trong sản xuất và nguồn nguyên liệu sản xuất tinh dầu đạt hiệu suất và chất lượng cao.

Kết quả của đề tài là cơ sở quan trọng để nhóm nghiên cứu tiếp tục nhân rộng sản xuất và chế biến nhằm tạo ra các sản phẩm tinh dầu chất lượng, đảm bảo an toàn sức khỏe cho người tiêu dùng, góp phần bảo tồn những loài dược liệu có giá trị kinh tế cao, phục vụ sự phát triển của xã hội./.

N.T

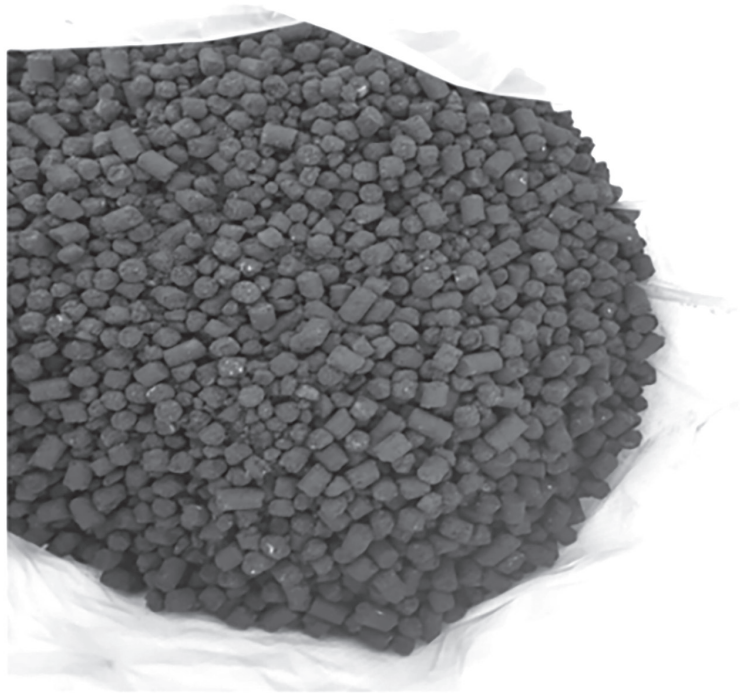
NGHIÊN CỨU SẢN XUẤT PHÂN GÀ THÀNH PHÂN BÓN HỮU CƠ-VI SINH DẠNG VIÊN NÉN TẠI TỈNH PHÚ THỌ



Đất nông nghiệp đã và đang ngày càng bạc màu, thoái hoá nghiêm trọng. Một trong những biện pháp hữu hiệu để sản xuất nông nghiệp sạch là ứng dụng rộng rãi các chế phẩm sinh học, sử dụng phân bón hữu cơ-vi sinh nhằm thay thế các hoá chất bảo vệ thực vật và các loại phân hoá học có tác động xấu đến môi trường. Phân bón hữu cơ có bổ sung vi sinh vật có lợi là sản phẩm được sản xuất từ các nguồn nguyên liệu hữu cơ khác nhau, nhằm cung cấp chất dinh dưỡng cho cây trồng, cải tạo đất, chứa một hay nhiều chủng vi sinh vật sống được tuyển chọn với mật độ đạt tiêu chuẩn quy định, góp phần nâng cao năng suất, chất lượng nông sản.

Phú Thọ là tỉnh có tổng sản lượng thịt hơi các loại đứng thứ 2 trong 14 tỉnh vùng trung du miền núi phía Bắc, với hơn 15 triệu con gia cầm, trong đó 91 trại quy mô từ 5000 con trở lên. Đa phần các hộ dân và trang trại quy mô nhỏ tại tỉnh sẽ nuôi gà trực tiếp trên nền đệm lót sinh học, phân gà được thu sau khi bán gà hoặc định kỳ, đóng vào bao và bán cho người mua. Phân gà đóng bao được các hộ dân mua về để một thời gian trong bao và được sử dụng trực tiếp cho cây trồng, hoặc được ủ trong thời gian dài rồi bón cho cây trồng. Cách xử lý phân gà như trên là cách làm truyền thống nên thời gian ủ lâu, chất lượng phân không ổn định và hàm lượng dinh dưỡng thấp, cần

bón với khối lượng lớn, hiệu suất khi sử dụng phân chưa cao, chất lượng phân tạo ra chưa tính đến phù hợp với đất, phù hợp với cây trồng,... Chính vì vậy, nghiên cứu ứng dụng công nghệ vi sinh sản xuất phân bón hữu cơ-vi sinh dạng viên nén từ phân gà tại tỉnh Phú Thọ, tiếp cận theo hướng sử dụng chế phẩm vi sinh vật có hiệu lực phân giải mạnh nhằm rút ngắn thời gian ủ, do đó sẽ nâng cao chất lượng phân sau ủ; bằng cách ủ với chế phẩm vi sinh vật còn tạo ra giai đoạn nhiệt độ cao đủ để giết chết các vi sinh vật gây bệnh trong phân gà; công nghệ ép tạo phân ở



Sản phẩm phân hữu cơ-vi sinh dạng viên nén của đề tài

nhiệt độ thường sẽ giúp tạo ra phân bón hữu cơ-vi sinh dạng viên nén, với dự kiến giá thành người dân chấp nhận được, phục vụ cho sản xuất nông nghiệp an toàn, bền vững trên địa bàn tỉnh Phú Thọ.

Mục tiêu chung của đề tài là nghiên cứu xây dựng thành công quy trình công nghệ sản xuất phân bón hữu cơ-vi sinh dạng viên nén từ phân gà đạt tiêu chuẩn chất lượng theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 189:2019/BNNPTNT về chất lượng phân bón; Xây dựng mô hình trồng rau, quả thử nghiệm sử dụng phân bón hữu cơ-vi sinh dạng viên nén từ phân gà cho năng suất tăng trên 10% so với sản xuất đại trà, đảm bảo an toàn chất lượng thực phẩm.

Đề tài đã nghiên cứu áp dụng công nghệ vi sinh và các công nghệ phụ trợ để xây dựng quy trình sản xuất phân bón hữu cơ - vi sinh dạng viên nén từ phân gà đạt tiêu chuẩn chất lượng theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng phân bón; Đề tài cũng xây dựng được 01 mô hình sản xuất thử nghiệm sản phẩm phân bón hữu cơ - vi sinh dạng viên nén từ phân gà từ quy trình công nghệ đã nghiên cứu đạt tiêu chuẩn chất lượng; Xây dựng mô hình thử nghiệm sử dụng phân bón hữu cơ - vi sinh dạng

viên nén trên rau cải và cây bưởi đặc sản Đoan Hùng cho năng suất tăng trên 10% so với sản xuất đại trà, đảm bảo an toàn chất lượng thực phẩm, Đã hoàn thành 02 lớp tập huấn với 50 người/lớp, đào tạo 05 sinh viên, đào tạo 01 thạc sĩ chuyên ngành khoa học môi trường.

Đề tài được nghiên cứu và thực hiện với mong muốn sử dụng chế phẩm vi sinh vật có hiệu lực phân giải mạnh nhằm rút ngắn thời gian để nâng cao chất lượng phân sau ủ, giết chết các vi sinh vật gây bệnh trong phân gà. Sau đó với công nghệ ép tạo phân ở nhiệt độ thường sẽ giúp tạo ra phân hữu cơ-vi sinh dạng viên nén, với dự kiến giá thành người dân chấp nhận được, phục vụ cho sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Phú Thọ, hướng đến sản xuất theo hướng an toàn, bền vững.

Kết quả của đề tài đã góp phần hạn chế được việc lạm dụng bón phân hóa học, cải thiện chất đất, nâng cao chất lượng hiệu quả của cây trồng, thúc đẩy phát triển sản xuất nông nghiệp theo hướng bền vững, góp phần quản lý và xử lý chất thải trong chăn nuôi gà, bảo vệ môi trường chăn nuôi và tạo ra sản phẩm hữu ích cho nông nghiệp.

T.S

Ứng dụng tiến bộ kỹ thuật

XÂY DỰNG MÔ HÌNH NUÔI BÒ SINH SẢN VÀ BÒ HƯỚNG THỊT QUY MÔ TRANG TRẠI TẠI TỈNH PHÚ THỌ

➤ Hồng Vân



Hình ảnh chăn nuôi bò hướng thịt chất lượng cao

Thực hiện Chiến lược phát triển chăn nuôi nói chung, chăn nuôi bò nói riêng, trong những năm qua ngành chăn nuôi đã đạt được những thành tựu đáng kể về cơ cấu vật nuôi hợp lý, năng suất và chất lượng đàn bò thịt được nâng lên. Song kết quả đạt được của Chiến lược phát triển chăn nuôi bò thịt vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu tiêu dùng tối thiểu trong nước về số lượng và chất lượng. Trong cơ cấu giống bò hiện nay của tỉnh Phú Thọ có khoảng 80% tổng đàn bò là bò vàng

địa phương, sinh trưởng chậm, khối lượng trưởng thành thấp. Chăn nuôi bò nơi đây vẫn theo tập quán chăn thả tự do kết hợp cho ăn thêm rơm rạ, cỏ cắt, một ít bột ngô, cám gạo vào cuối ngày; quy mô đàn nhỏ lẻ; việc áp dụng các biện pháp kỹ thuật trong cải tạo giống bò, vỗ béo nhằm nâng cao năng suất, chất lượng chưa được quan tâm, hiệu quả kinh tế thấp. Để giải quyết những hạn chế nêu trên và góp phần phát triển mô hình nuôi bò sinh sản và bò hướng thịt quy mô trang trại trên

địa bàn tỉnh, Công ty TNHH Quốc An Việt Trì đã triển khai dự án: “Ứng dụng tiến bộ kỹ thuật xây dựng mô hình nuôi bò sinh sản và bò hướng thịt quy mô trang trại tại tỉnh Phú Thọ”.

Mục tiêu của dự án là ứng dụng tiến bộ kỹ thuật xây dựng mô hình nuôi bò sinh sản và bò hướng thịt quy mô trang trại tại tỉnh Phú Thọ nhằm tạo ra mô hình điểm về phát triển kinh tế trang trại chăn nuôi đại gia súc hướng hàng hoá, tạo sản phẩm an toàn phục vụ nhu cầu thị trường góp phần thúc đẩy chuyển dịch

cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo định hướng phát triển nông nghiệp của tỉnh.

Sau gần 3 năm triển khai, dự án đã hoàn thành đầy đủ các nội dung theo đúng tiến độ và đạt được các mục tiêu đề ra. Dự án đã tiến hành khảo sát bổ sung thông tin về điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội của huyện Phù Ninh, thực hiện khảo sát tình hình chăn nuôi trên địa bàn huyện, lựa chọn địa điểm xây dựng mô hình dự án. Dự án đã xây dựng mô hình chăn nuôi bò sinh sản và bò hướng thịt quy mô trang trại trên tổng diện tích 3,5ha với 20 con bò cái sinh sản và 150 bò nuôi hướng thịt. Tập huấn chuyên sâu cho 05 kỹ thuật viên, tập huấn cho 50 lượt nông dân trong vùng dự án về kỹ thuật chăn nuôi bò sinh sản và bò hướng thịt, kỹ thuật vệ sinh phòng dịch cho đàn bò, xử lý chất thải chăn nuôi... Dự án cũng hoàn thiện 02 tài

liệu hướng dẫn quy trình kỹ thuật đảm bảo tính khoa học, dễ hiểu, dễ áp dụng, phù hợp với khả năng áp dụng của người dân tỉnh Phú Thọ.

Dự án đã khẳng định vai trò, hiệu quả mô hình chăn nuôi tập trung quy mô trang trại mang lại đối với sự phát triển kinh tế tại địa phương và người chăn nuôi. Mô hình mang lại giá trị kinh tế cao, có thể phát triển và mở rộng mô hình dự án tại các địa phương khác trong tỉnh. Sản phẩm của dự án là bê lai F1 hướng thịt và bò thịt chất lượng cao. Các sản phẩm có chất lượng tốt, chăn nuôi theo quy trình nghiêm ngặt, đảm bảo an toàn chất lượng. Vì vậy, sản phẩm được thị trường tin tưởng, chấp nhận. Đây là thế mạnh để đưa sản phẩm của dự án tiếp cận với người tiêu dùng nhanh chóng và hiệu quả.

H.V

PHÚ THỌ XÂY DỰNG THƯƠNG HIỆU...

(Tiếp theo trang 16)

ngân sách nhà nước cho thực hiện các nhiệm vụ KH&CN về tạo lập, khai thác và phát triển bảo hộ SHTT nhằm tiến tới tạo lập được cơ bản nhãn hiệu SHTT đối với các sản phẩm chủ lực, sản phẩm đặc thù, có lợi thế, sản phẩm làng nghề và các sản phẩm OCOP của tỉnh; khai thác và phát triển đối với một số sản phẩm chủ lực, đặc thù của tỉnh đã được bảo hộ quyền SHTT, góp phần thực hiện hiệu quả các chương trình phát triển KT-XH của tỉnh, đặc biệt là Chương trình OCOP của tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2021-2025. Hoàn thành mục tiêu đến năm 2025 số văn bằng bảo hộ Sở hữu công nghiệp tăng từ 1,5 - 2 lần so với giai đoạn 2016 - 2020; 80% sản phẩm chủ lực, sản phẩm đặc sản, đặc trưng, sản phẩm có lợi thế đã chứng nhận OCOP được bảo hộ, quản lý và phát triển, trong đó có 01-02 sản phẩm được bảo hộ ở nước ngoài.

Nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước về SHTT và tăng cường công tác thông tin tuyên truyền, đào tạo, tập huấn nâng cao nhận thức về SHTT. Trong đó: Nâng cao hiệu quả công tác tư vấn, hướng dẫn xây dựng hồ sơ bảo hộ quyền SHTT trên địa bàn tỉnh; Tăng cường kiểm tra, kiểm soát và xử lý nghiêm các hành vi xâm phạm quyền SHTT, đặc biệt là hành vi xâm phạm quyền SHTT trong môi trường kỹ thuật số; Huy động và khuyến khích đội ngũ các nhà khoa học, doanh nghiệp, tổ chức cá nhân trong và ngoài tỉnh tham gia phát triển sáng chế, giải pháp hữu ích và các sản phẩm có lợi thế; Thúc đẩy phát triển dịch vụ giám định SHTT và dịch vụ tư vấn pháp luật về bảo vệ quyền SHTT.

V.A



XÂY DỰNG MÔ HÌNH CHUỖI LIÊN KẾT TỪ SẢN XUẤT NGUYÊN LIỆU ĐẾN CHẾ BIẾN VÀ TIÊU THỤ SẢN PHẨM CHO GIỐNG CHÈ HƯƠNG BẮC SƠN VÀ TRI5.0 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH PHÚ THỌ



Minh Phương

Viện KHKT Nông lâm nghiệp miền núi phía Bắc

Trong nhiều năm qua, tỉnh Phú Thọ đã tập trung ưu tiên các nguồn lực đầu tư phát triển chè theo hướng vừa mở rộng quy mô diện tích, vừa phát triển theo hướng nâng cao chất lượng, giá trị gia tăng, sức cạnh tranh sản phẩm trên thị trường trong nước và thế giới. Cùng với chuyển đổi cơ cấu giống, các địa phương đã chú trọng đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ trong sản xuất, chế biến và sản xuất chè an toàn, hữu cơ, nâng cao chất lượng sản phẩm.

Mặc dù tỉnh Phú Thọ có diện tích chè lớn, có nhiều cơ sở, nhà máy chế biến nhưng tỉ lệ giống chè cũ vẫn còn cao,

thiếu sự quy hoạch đồng bộ giữa phát triển vùng nguyên liệu và các cơ sở, các nhà máy chế biến, sản xuất chè vẫn ở tình trạng tự do,

nhỏ lẻ, thiếu đa dạng về chủng loại và mẫu mã, các sản phẩm chè chất lượng cao còn ít. Trước thực trạng đó, nhằm phát triển vùng chè an toàn, góp phần xây dựng thương hiệu chè Phú Thọ, dự án Xây dựng mô hình chuỗi liên kết từ sản xuất nguyên liệu đến chế biến và tiêu thụ sản phẩm cho giống chè hương Bắc Sơn và TRI5.0 trên địa bàn tỉnh Phú Thọ được triển khai với mục tiêu: ứng dụng tiến bộ kỹ thuật xây dựng mô hình thâm canh và chế biến các sản phẩm chè chất lượng cao (chè Ôlong, chè xanh chất lượng cao) cho hai giống chè Hương Bắc Sơn và TRI5.0, có sự liên kết chặt chẽ từ khâu sản xuất thâm canh, chế biến đến tiêu thụ sản phẩm góp phần xây dựng thương hiệu chè Phú Thọ.

Sau hơn 2 năm triển khai, dự án đã hoàn thành mục tiêu và nội dung như thuyết minh được phê duyệt. Dự án đã điều tra, đánh giá hiện trạng sản xuất của hai giống chè Hương Bắc và TRI5.0 tại một số địa phương trên địa bàn tỉnh Phú Thọ. Dự án đã ứng dụng kỹ thuật mới, xây dựng được mô hình trồng mới 02 ha chè tại xã Long Cốc và thâm canh 06 ha cho hai giống chè mới tại các địa phương tham gia dự án. Các mô hình đều sinh trưởng và

phát triển tốt, cho năng suất cao. Dự án cũng xây dựng mô hình chế biến các sản phẩm chè chất lượng cao như chế biến được 100 kg chè Ô long và 530 kg chè xanh thơm từ giống chè Hương Bắc Sơn, chế biến được 520 kg chè xanh ướp hương hoa Nhài và hoa Sói từ giống chè TRI5.0 đạt tiêu chuẩn chất lượng tại Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Chè, tại HTX chè an toàn xã Long Cốc và HTX chè Phú Thịnh ... Mô hình liên kết sản xuất của dự án cho lợi nhuận kinh tế cao, với tổng lợi nhuận từ khâu sản xuất nguyên liệu đến chế biến và tiêu thụ sản phẩm đạt từ 280,1 - 445,73 triệu đồng/ha, cao gấp 1,73 - 2,02 lần so với sản xuất thông thường tại các đơn vị, địa phương. Dự án cũng hoàn thiện 2 bản hướng dẫn kỹ thuật thâm canh cho giống chè Hương Bắc Sơn và kỹ thuật thâm canh cho giống chè TRI5.0, ...

Mô hình sản xuất của dự án đem lại hiệu quả kinh tế cao, hiện nay đang dần hình thành các vùng sản xuất bền vững, giúp gắn kết cộng đồng, góp phần tạo công ăn việc làm, ổn định tình hình kinh tế, xã hội của địa phương.

M.P



TẠO LẬP, QUẢN LÝ VÀ PHÁT TRIỂN NHÃN HIỆU TẬP THỂ

“Rau an toàn Hương Nộn”

cho sản phẩm rau xã Hương Nộn, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ



Phan Kim Trọng

Trạm Khuyến nông huyện Tam Nông

Trong những năm qua, chương trình sản xuất nông nghiệp nói chung, sản xuất rau củ quả nói riêng của huyện Tam Nông đã có nhiều bước phát triển tạo ra nguồn cung cấp thực phẩm phong phú cho người tiêu dùng trong và ngoài vùng lân cận. Sau 2 năm triển khai thực hiện dự án: Tạo lập, quản lý và phát triển nhãn hiệu tập thể “Rau an toàn Hương Nộn” cho sản phẩm rau xã Hương Nộn, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ, huyện Tam Nông đã tạo lập thành công HTX rau củ quả xã Hương Nộn. Đây sẽ là cơ hội gắn kết sản xuất với chuỗi giá trị, thúc đẩy mối liên kết giữa doanh nghiệp, các tổ chức tập thể và người dân, tại sự ổn định bền vững của sản phẩm

Dự án được triển khai với mục tiêu là tạo lập, quản lý, khai thác và phát triển nhãn hiệu tập thể “Rau an toàn Hương Nộn” cho sản phẩm rau xã Hương Nộn, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ nhằm xây dựng thương hiệu, kiểm soát, nâng cao chất lượng, xúc tiến thương mại cho sản phẩm và nâng cao giá trị, danh tiếng của sản phẩm mang nhãn hiệu tập thể trên thị trường; Đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho người dân vùng sản xuất rau an toàn xã Hương Nộn trong việc sử dụng nhãn hiệu tập thể, chống các hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ, góp phần nâng cao đời sống cho người sản xuất, kinh doanh, giữ gìn và phát huy giá trị kinh tế, xã hội của sản phẩm.

Sau 2 năm triển khai, dự án đã thu thập các tài liệu, đề tài, dự án khoa học nghiên cứu về rau an toàn Hương Nộn, các tiêu chí đặc trưng, điều tra về quy mô, hiện trạng, đánh giá thực trạng về tình hình sản xuất rau an toàn Hương Nộn; Xác định được các chỉ tiêu cơ bản của Rau an toàn Hương Nộn; Thiết kế, in ấn được hệ thống tem mác, phương tiện truyền thông quảng bá hỗ trợ hoạt động thương mại cho sản phẩm mang nhãn hiệu tập thể “Rau an toàn Hương Nộn”; Đưa vào sử dụng nhãn hiệu tập thể và bước đầu đã vận hành các quy chế



Đồng chí Đỗ Xuân Hoàn - Phó Giám đốc Sở KH&CN tỉnh Phú Thọ trao giấy chứng nhận nhãn hiệu tập thể rau an toàn Hương Nộn

quản lý và phát triển Nhãn hiệu tập thể Rau an toàn Hương Nộn; Thúc đẩy quảng bá, thương mại sản phẩm “Rau an toàn Hương Nộn”.

Việc cung cấp các sản phẩm sạch ra thị trường không chỉ góp phần mở rộng sản xuất, nâng cao vị thế và sức cạnh tranh của sản phẩm trên thị trường; mà còn tăng giá trị và uy tín của sản phẩm trên thị trường, tăng thu nhập và nâng cao chất lượng cuộc sống của Nhân dân trong vùng dự án. Chính vì vậy, đây cũng là mục tiêu trọng tâm trong hướng phát triển nông nghiệp trọng điểm của Tam Nông trong năm 2022 và những năm tiếp theo./.

P.K.T

NÂNG TẦM HỆ SINH THÁI KHỞI NGHIỆP TỪ NHỮNG CHÍNH SÁCH KIẾN TẠO CỦA CHÍNH PHỦ

Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB) vừa công bố bản báo cáo mới nhất với nhan đề “Hệ sinh thái khởi nghiệp công nghệ của Việt Nam”, trong đó nhận định “kỳ lân” khởi nghiệp trong lĩnh vực công nghệ tiếp theo của châu Á và Thái Bình Dương có thể đến từ Việt Nam, khi nền móng để xây dựng một hệ sinh thái vững chắc có thể hỗ trợ những doanh nghiệp này đang được tiến hành thuận lợi.



Ông Phạm Hồng Quất, Cục trưởng Cục Phát triển thị trường và doanh nghiệp KH&CN (Bộ KH&CN)

Trao đổi với Báo Điện tử Chính phủ về nhận định tích cực này, ông Phạm Hồng Quất, Cục trưởng Cục Phát triển thị trường và doanh nghiệp KH&CN (Bộ KH&CN) cho rằng, các chuyên gia ADB đã đưa ra đánh giá khách quan, toàn diện về thực trạng và tiềm năng hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo của Việt Nam, đặc biệt là lĩnh vực khởi nghiệp công nghệ.

Bản báo cáo đã chỉ rõ những tiến bộ mà Việt Nam đạt được từ định hướng xây dựng chính sách kiến tạo của Chính phủ, những điểm hạn chế cần tiếp tục cải thiện để thúc đẩy đổi mới sáng tạo theo xu hướng “mở” trên thế giới. Báo cáo cũng đề cập tới những lĩnh vực công nghệ mới mà trí tuệ trẻ Việt Nam có tiềm năng phát triển theo nhận định của các nhà đầu tư nước ngoài.

Trong đó, ADB đã đưa ra ví dụ về sự hỗ trợ của Chính phủ Việt Nam là Đề án “Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025” (Đề án 844), với mục tiêu phát triển 600 doanh nghiệp vào năm 2025,

trong số đó có 100 doanh nghiệp sẽ gọi được vốn đầu tư với tổng giá trị ít nhất là 2 nghìn tỷ đồng (khoảng 85,44 triệu USD).

Mục tiêu này được hỗ trợ bởi Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia và hai đề án mới có tên gọi “Hỗ trợ học sinh, sinh viên khởi nghiệp đến năm 2025” và “Hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp giai đoạn 2017 - 2025”.

“Những nhận xét và kiến nghị của các chuyên gia ADB rất có ý nghĩa với những người xây dựng chính sách hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo ở phạm vi quốc gia và địa phương”, ông Phạm Hồng Quất cho hay.

Theo ông Phạm Hồng Quất, trong giai đoạn 5 năm vừa qua, việc triển khai Đề án 844 và một số đề án của Chính phủ đã tạo những nền tảng cơ bản cho hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia và hệ sinh thái này đang phát triển mạnh mẽ phù hợp với xu hướng quốc tế.

Trong Hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo hiện nay, sự tham gia của các chủ thể ngày

càng tích cực và đã có sự tăng trưởng tốt về số lượng. Cụ thể, hiện có khoảng hơn 1.000 tổ chức có năng lực hỗ trợ khởi nghiệp, trong đó có hơn 200 khu làm việc chung; 200 quỹ đầu tư/nhà đầu tư; hàng chục cơ sở ươm tạo...

Bên cạnh đó, cả nước cũng đã có trên 140 trường đại học, cao đẳng tổ chức hoạt động khởi nghiệp sáng tạo. Các doanh nghiệp, tập đoàn lớn cũng tham gia vào hoạt động hỗ trợ khởi nghiệp, với vai trò là nhà đầu tư tài chính cho doanh nghiệp khởi nghiệp, giúp doanh nghiệp khởi nghiệp mở rộng thị trường đồng thời chia sẻ kinh nghiệm, tư vấn chuyên môn trong ngành.

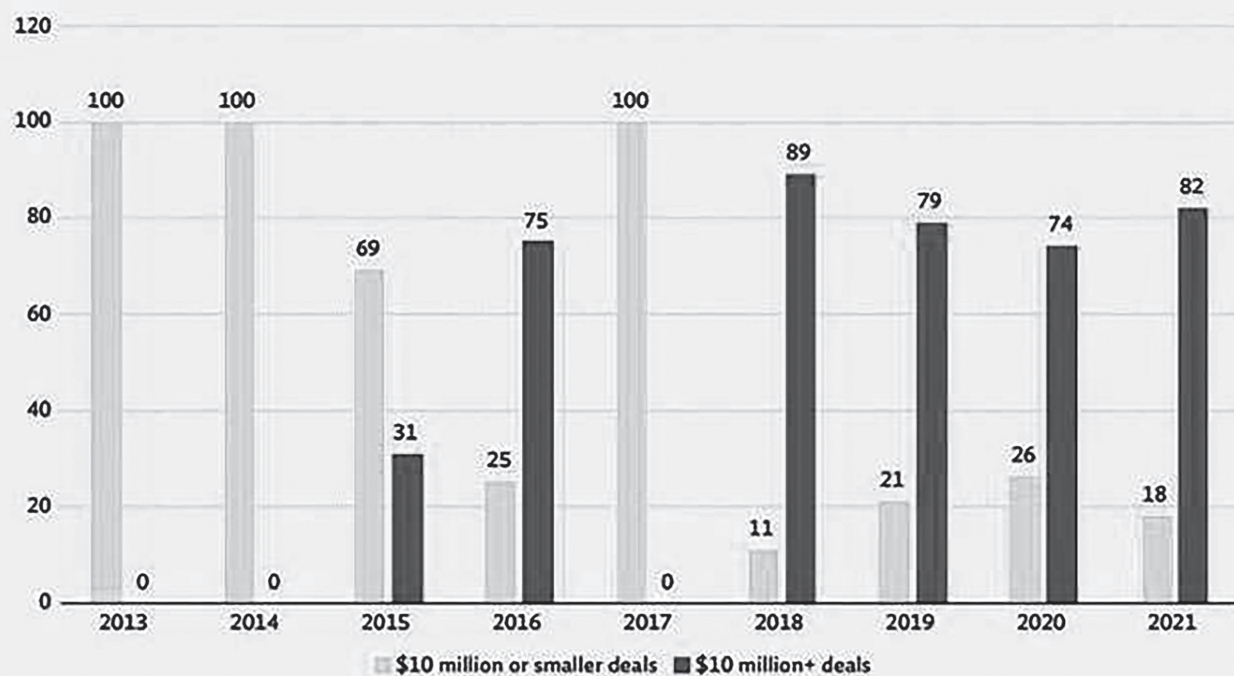
Một trong những điểm nổi bật của Hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo của Việt Nam là chúng ta đã từng bước hình thành các mạng lưới liên kết, thúc đẩy dòng chảy của tri thức, của công nghệ trong và ngoài nước; đã thiết lập được Mạng lưới hỗ trợ và phát triển Hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo Việt Nam và Mạng lưới các Hội trí thức kiều bào hỗ trợ đổi mới sáng tạo và thương mại hóa công nghệ.

“Đây là những tiền đề quan trọng để mở rộng Hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo quốc gia, để kết nối ngày càng hữu cơ hơn, hiệu quả hơn với các hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo khác trong khu vực và thế giới”, ông Phạm Hồng Quất cho hay.

Đặc biệt, giữa bối cảnh đại dịch COVID-19 gây ra nhiều biến động cho thị trường, vốn đầu tư mạo hiểm cho các start-up Việt Nam vẫn đạt được mức cao kỷ lục trong năm 2021. Tổng số tiền đầu tư đạt 1,4 tỷ USD, tăng trưởng gấp 1,5 lần so với con số 874 triệu USD kỷ lục trước đó vào năm 2019. Ngoài ra, tổng số thương vụ đầu tư cũng đạt con số cao nhất từ trước đến nay là 165, tăng 57% so với năm 2020.

Theo số liệu được ADB thu thập, trước năm 2015, thị trường start-up Việt đều ghi nhận những thương vụ có phần nhỏ lẻ. Từ năm 2015, bắt đầu chuyển biến tích cực khi Việt Nam ghi nhận 31 thương vụ có trị giá từ 10 triệu USD trở lên.

Figure 1: Total Number of \$10 Million or Smaller Deals and \$10 Million+ Deals, 2013–2021 (%)



Source: NIC (2021).

Số lượng các thương vụ đầu tư cho start-up Việt giai đoạn 2013-2021

Kể từ năm 2018, thị trường start-up Việt đã hoạt động vô cùng sôi động khi số lượng thương vụ có giá trị nhỏ lẻ (dưới 10 triệu USD) đã giảm rõ rệt, trong khi những thương vụ lớn có giá trị cả chục triệu USD tăng cao. Đỉnh điểm vào năm 2018, đã có tới 89 thương vụ trị giá từ 10 triệu USD được thực hiện. Con số này vào năm 2019, 2020 và 2021 lần lượt là 79 thương vụ, 74 thương vụ và 82 thương vụ.

Trong năm 2021, 5 lĩnh vực start-up hàng đầu thu hút được nhiều nguồn vốn đầu tư nhất tại Việt Nam bao gồm fintech (công nghệ tài chính) (26,6%), thương mại điện tử (20,3%), edtech (công nghệ giáo dục) (17,2%), healthtech (công nghệ y tế) (7,8%) và phần mềm dịch vụ (6,3%).

Theo ông Phạm Hồng Quất, đáng chú ý là trong năm 2021, Việt Nam đã đón chào sự xuất hiện của 2 “kỳ lân” công nghệ mới (Momo được định giá 2 tỷ USD và Sky Mavis là 3 tỷ USD). Với việc bổ sung thêm 2 “kỳ lân” này vào danh sách, bên cạnh 2 cái tên xuất hiện trước đó là VNG (2014) và VNPay (2019), Việt Nam hiện có 4 “kỳ lân” công nghệ, trên bản đồ khu vực, Việt Nam đứng thứ ba, xếp sau Singapore và Indonesia về số lượng.

Nhìn chung, hiện nay, các start-up triển vọng nhất đều liên quan đến hệ sinh thái thương mại điện tử, fintech, logistics, blockchain, game... những lĩnh vực có dư địa tăng trưởng lớn trong 2-3 năm tới, dù có thể không phải tất cả nhưng một số công ty triển vọng đó có thể lớn mạnh vươn mình trở thành các “kỳ lân” tiếp theo.

So với các start-up trong những lĩnh vực khác, các start-up dựa trên công nghệ không đòi hỏi quá nhiều vốn ban đầu, chủ yếu dựa vào những ý tưởng mới và có tính sáng tạo, có thể dễ dàng kết nối toàn cầu thông qua công nghệ và làm cho các ý tưởng có thể dễ tiếp cận hơn cũng như dễ học hỏi từ các mô hình thành công trên thế giới.

Cần có nhiều chính sách đột phá hơn nữa

Ông Phạm Hồng Quất cho rằng, để nâng tầm hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo quốc gia giúp Việt Nam thực sự là trung tâm khởi

ngiệp của khu vực, sản sinh ra nhiều “kỳ lân”, trong giai đoạn tới, cần có nhiều chính sách đột phá hơn nữa trong việc tạo nguồn lực, thị trường cho khởi nghiệp đổi mới sáng tạo và thúc đẩy liên kết, hợp tác quốc tế, nâng cao năng lực cho khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trong nước.

Tuy nhiên, việc xây dựng và đẩy mạnh, phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tại Việt Nam là quá trình đầu tư lâu dài của Chính phủ cùng với quá trình phát triển của đất nước và doanh nghiệp.

Hiện nay, hệ sinh thái cần có sự thay đổi tư duy trong xây dựng và phát triển, từ “đóng” sang “mở”. Mở rộng liên kết, hợp tác, khai thác nguồn lực lẫn nhau giữa các thành phần trong hệ sinh thái. Các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo cũng cần chủ động, tích cực trở thành đối tác với các chủ thể trong hệ sinh thái, thay vì chỉ là đối tượng nhận hỗ trợ.

Trước mắt, Bộ KH&CN sẽ phát triển Trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia tại 3 thành phố: Hà Nội, Đà Nẵng và TPHCM với vai trò hạt nhân kết nối, phát triển hệ sinh thái; khuyến khích sự tương tác, kết nối nguồn lực trong hệ thống các trung tâm khởi nghiệp đổi mới sáng tạo và các chủ thể trong hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trong nước, nước ngoài; thu hút chuyên gia, người Việt Nam thành công ở nước ngoài tham gia hỗ trợ, đầu tư cho Hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo quốc gia...

Ở cấp độ địa phương, các địa phương cần có những giải pháp chính sách sáng tạo, đặc thù để thu hút nguồn lực cho khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, đặc biệt cần khai thác hiệu quả nguồn chuyên gia, cố vấn của các tổ chức quốc tế và mạng lưới sinh viên, nghiên cứu sinh, doanh nhân, nhà đầu tư người Việt Nam ở nước ngoài.

Các doanh nghiệp, tập đoàn, địa phương, tổ chức chính trị-xã hội cũng cần tăng cường đặt hàng, sử dụng các sản phẩm, dịch vụ của các start-up, thúc đẩy phát triển thị trường sản phẩm đổi mới sáng tạo...

Theo Chinhphu.vn

Một số giải pháp

THÚC ĐẨY PHÁT TRIỂN KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÙNG TRUNG DU VÀ VÀ MIỀN NÚI PHÍA BẮC ĐẾN NĂM 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045

▶ **Trần Bích Hạnh**
PGD TT Ứng dụng và Thông tin KH&CN

Khu vực Trung du và miền núi phía Bắc là một trong 6 vùng kinh tế - xã hội của Việt Nam. Xét về mặt hành chính, khu vực bao gồm 14 tỉnh là Hà Giang, Cao Bằng, Lào Cai, Bắc Kạn, Lạng Sơn, Tuyên Quang, Yên Bái, Thái Nguyên, Phú Thọ, Bắc Giang, Lai Châu, Điện Biên, Sơn La, Hòa Bình. Trung tâm vùng là thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên. Đây là vùng lãnh thổ lớn nhất Việt Nam, có diện tích 100.965 km², chiếm khoảng 28,6% diện tích cả nước.



Lãnh đạo Bộ KH&CN, Lãnh đạo tỉnh Tuyên Quang chủ trì Hội nghị Giao ban KH&CN vùng Trung du và miền núi phía Bắc lần thứ XVIII

Tại Hội nghị giao ban Khoa học và Công nghệ vùng Trung du và miền núi phía Bắc lần thứ XVIII, Bộ Khoa học và Công nghệ đã tổng kết những thành tựu và hạn chế sau khi triển khai thực hiện Nghị quyết số 37-NQ/TW về “Phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh Vùng Trung du và và miền núi phía Bắc đến năm 2020”. Cụ thể:

Những thành tựu đạt được sau khi triển khai Nghị quyết số 37-NQ/TW Nghị quyết 37-NQ/TW ban hành đã cơ bản đáp ứng được yêu cầu phát triển và phù hợp với tiềm năng, lợi thế của vùng; được tổ chức triển khai chặt chẽ từ

Trung ương đến địa phương từ việc thể chế hóa thành các chương trình, kế hoạch, chính sách đặc thù và bổ sung nguồn lực đáng kể cho vùng. Nghị quyết 37- NQ/TW là cơ sở để các tỉnh xây dựng ban hành các khuôn khổ pháp luật các cơ chế, chính sách đảm bảo khác thác các nguồn lực cũng như lợi thế của địa phương, khắc phục từng bước các tồn tại, hạn chế trong giai đoạn phát triển trước của khu vực. Việc thể chế hóa và đưa Nghị quyết vào cuộc sống đã mang lại thay đổi tích cực trên tất cả lĩnh vực như kinh tế - xã hội gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng, bảo vệ và gìn giữ các bản sắc dân tộc, tôn giáo dân tộc,

an sinh xã hội, tạo phát triển những nguồn lực của xã hội,... là một bước ngoặt rất lớn đó là quan điểm liên kết vùng, đảm bảo hài hòa phát triển vùng.

Năm 2020, tổng sản phẩm trên địa bàn vùng (GRDP) chiếm 8,54% tổng GRDP của 63 tỉnh, thành phố cả nước, GRDP bình quân đầu người trong vùng khoảng hơn 54 triệu đồng. Tỷ lệ hộ nghèo giảm nhanh, đạt mức 12,76% vào cuối năm 2020 theo chuẩn nghèo đa chiều, đạt mục tiêu mà Nghị quyết số 37-NQ/TW của Bộ Chính trị đề ra. Tỷ lệ nghèo các tỉnh vùng Trung du và miền núi phía Bắc giảm nhanh, từ 38,72% (2005) xuống còn 31,38% (2010); 25,77% (2015), 15,82% (2018) và 12,76% vào cuối năm 2020. Tỷ lệ nghèo ở các huyện nghèo giảm bình quân 5,5%/năm, các xã nghèo giảm bình quân từ 3-4%/năm. Đến hết năm 2018, toàn vùng có 07 huyện thoát nghèo và được Thủ tướng Chính phủ tặng bằng khen, 72 xã đặc biệt khó khăn vùng dân tộc thiểu số và miền núi trong khu vực đạt chuẩn nông thôn mới. 53 Cơ cấu các ngành kinh tế của vùng đã từng bước chuyển dịch theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát huy lợi thế so sánh trong từng ngành, từng tỉnh trong vùng làm tăng hiệu quả và chất lượng phát triển. Kết cấu hạ tầng kinh tế

- xã hội toàn vùng được tăng cường. Kết cấu hạ tầng giao thông, điện, viễn thông, thủy lợi được cải thiện một bước, thúc đẩy khả năng phát triển kinh tế xã hội và cải thiện đời sống dân cư. Hệ thống giao thông được tập trung đầu tư phát triển, nâng cấp, mở rộng và làm mới các tuyến giao thông huyết mạch, trọng yếu, bảo đảm thông suốt trong cả vùng.

Đặc biệt, một số địa phương đã có sự phát triển bứt phá, tạo nên những điểm sáng trong vùng và cả nước về tăng trưởng; về phát triển ngành công nghiệp, nhất là những ngành công nghiệp mới như điện, điện tử; về phát triển nông nghiệp, nhất là trồng cây ăn quả và lâm nghiệp; về thu hút đầu tư, nhất là đầu tư nước ngoài. Chất lượng tăng trưởng được cải thiện. Quy mô của nền kinh tế được mở rộng; GRDP bình quân đầu người đạt mức vượt mục tiêu đặt ra. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực, trong đó thủy điện, kinh tế cửa khẩu và du lịch đang trở thành những ngành kinh tế quan trọng; cơ cấu lao động chuyển dịch tương đối nhanh. Nông nghiệp vùng phát triển khá toàn diện và đang chuyển dịch theo hướng thâm canh, nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả; chương trình nông thôn mới đạt nhiều kết quả. Các ngành dịch vụ phát triển nhanh; xuất khẩu tăng mạnh, vượt xa mục tiêu Nghị quyết.



Toàn cảnh Hội nghị Giao ban KH&CN vùng Trung du và miền núi phía Bắc lần thứ XVIII

Bên cạnh đó, thu ngân sách tăng nhanh; tỷ lệ hỗ trợ cân đối ngân sách địa phương giảm dần. Các khu vực kinh tế phát triển đa dạng. Các chỉ số về quản trị địa phương có nhiều cải thiện. Phát triển văn hóa, xã hội; giáo dục và đào tạo; công tác chăm sóc và bảo vệ sức khỏe người dân, nhất là đồng bào các dân tộc thiểu số đạt được nhiều tiến bộ; hoạt động nghiên cứu khoa học được đẩy mạnh, từng bước ứng dụng cho phát triển vùng. Bố trí ổn định dân cư

các xã biên giới được quan tâm. Công tác tôn giáo, dân tộc và chính sách xã hội, chính sách đối với người có công được thực hiện tốt. Phát triển kinh tế - xã hội được kết hợp chặt chẽ với tăng cường quốc phòng, an ninh.

Bên cạnh đó, vẫn còn những hạn chế, tồn tại. Cụ thể: Tiềm năng, lợi thế của vùng vẫn chưa được khai thác hợp lý, phát huy hiệu quả để trở thành nguồn nội lực quan trọng trong quá trình phát triển. Trung du và vùng núi phía Bắc vẫn là “vùng trũng” trong phát triển và là “lõi nghèo” của cả nước. Quy mô kinh tế còn khá nhỏ, đứng thứ 5 trong số các vùng kinh tế; Tăng trưởng chưa thực sự bền vững, chất lượng tăng trưởng chưa cao; Phát triển của các địa phương trong vùng có xu hướng phân hoá mạnh. Cơ cấu ngành kinh tế chuyển dịch chậm, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của các sản phẩm chưa cao. Bên cạnh đó, có một số dự án công nghiệp chậm tiến độ, hiệu quả kém, thậm chí thua lỗ. Tỷ lệ lấp đầy ở nhiều khu công nghiệp và cụm công nghiệp còn thấp.

Vùng Trung du và miền núi phía Bắc vẫn là vùng nghèo, điều kiện địa lý, kinh tế - xã hội khó khăn nhất của cả nước, đa phần là các địa phương có đông 54 đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống. Tỷ lệ hộ nghèo còn cao, phần lớn hộ nghèo là hộ dân tộc thiểu số. Chất lượng nguồn nhân lực còn thấp, tỷ lệ tái nghèo và phát sinh nghèo tương đối cao làm ảnh hưởng đến kết quả phát triển kinh tế - xã hội của cả Vùng. “Tỷ lệ hộ nghèo dân tộc thiểu số chiếm tỷ lệ cao, có tỉnh hơn 90% hộ nghèo rơi vào hộ dân tộc thiểu số như Hà Giang, Cao Bằng, Lai Châu.

Để khắc phục những hạn chế, Bộ Khoa học và Công nghệ đã đề xuất một số giải pháp thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo vùng Trung du và vùng núi phía Bắc đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045”. Cụ thể:

Thông tin, tuyên truyền - Quán triệt, tuyên truyền, tạo sự đồng thuận của tất cả các cấp,

các ngành và địa phương trong nhận thức rõ vai trò, vị trí và tầm quan trọng của vùng trung du và miền núi phía Bắc. Xây dựng, tổ chức thực hiện có hiệu quả các chương trình, kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TW. - Chủ động phối hợp với cơ quan truyền thông để tuyên truyền, nâng cao nhận thức về vai trò của khoa học và công nghệ trong phát triển bền vững kinh tế - xã hội vùng Trung du và Miền núi phía Bắc, đặc biệt là tính liên kết vùng và nội vùng. Phổ biến thông tin về luật khoa học và công nghệ; Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2030, các nội dung chương trình, chính sách khoa học và công nghệ từ nay đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Xây dựng thể chế, chính sách phát triển khoa học và công nghệ của Vùng. Hoàn thành quy hoạch mạng lưới các tổ chức khoa học và công nghệ của vùng Trung du và miền núi phía Bắc bảo đảm tính liên kết, đồng bộ, thống nhất, hiệu quả và bền vững; Xây dựng chính sách đặc thù về khoa học và công nghệ cho vùng Trung du và Miền núi phía Bắc, nâng cao tính liên kết vùng và nội vùng nhằm khai thác tối đa tiềm năng lợi thế của Vùng; Xây dựng một số chương trình phát triển khoa học và công nghệ mang tính chất đặc thù cho vùng Trung du và Miền núi phía Bắc; Tỉnh ủy các tỉnh trong vùng cần ra nghị quyết riêng cho khoa học và công nghệ; UBND tỉnh cần ban hành chiến lược phát triển khoa học và công nghệ gắn với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của địa phương;

Nghiên cứu khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo gắn với phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững

Nghiên cứu phát triển giáo dục và đào tạo, tiếp tục đầu tư cơ sở vật chất và nâng cao năng lực đào tạo, nghiên cứu khoa học cho các trường đại học trong vùng; tập trung đầu tư phát triển một số viện/trung tâm nghiên cứu và chuyển giao công nghệ, nhất là trong lĩnh vực nông nghiệp. Rà soát, sắp xếp và đổi mới cơ chế hoạt động của các cơ sở giáo dục nghề

nghiệp công lập, từng bước tiến tới tự chủ tài chính theo lộ trình. Phát triển các cơ sở giáo dục nghề nghiệp theo hình thức xã hội hoá và khuyến khích hình thức đối tác công tư. Tiếp tục thực hiện hiệu quả chương trình khoa học và công nghệ phục vụ phát triển bền vững vùng Tây Bắc, Đề án xây dựng mô hình thu viện cơ sở phục vụ nhân dân miền núi, biên giới vùng Trung du và miền núi phía Bắc giai đoạn 2025 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Nghiên cứu đổi mới mô hình tăng trưởng gắn với đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế vùng theo hướng kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học - công nghệ, nhất là thành tựu của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư; đẩy mạnh chuyển đổi số. Triển khai Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo, gắn kết, hợp tác giữa các trường đại học, viện nghiên cứu với khu vực công nghiệp và doanh nghiệp, phát huy vai trò hệ thống các điểm không gian khởi nghiệp đổi mới sáng tạo phù hợp với điều kiện thực tế của vùng. Tiếp tục thực hiện hiệu quả Chương trình hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nông thôn, miền núi, vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030;

Phát triển công nghiệp vùng theo hướng ứng dụng công nghệ cao, thân thiện với môi trường, trọng tâm là công nghiệp chế biến, chế tạo và năng lượng. Phát triển nông nghiệp vùng theo hướng nông nghiệp hàng hóa hiệu quả cao, sản xuất an toàn, hữu cơ, xanh, sạch, đặc sản; hình thành các vùng chuyên canh với quy mô thích hợp;

Nghiên cứu phát triển các ngành dịch vụ và thương mại của vùng theo hướng nâng cao chất lượng và đa dạng hóa, đẩy mạnh liên kết hoạt động du lịch giữa các tỉnh trong vùng.

Đẩy mạnh phát triển du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng gắn với bảo tồn các giá trị văn hóa truyền thống đặc sắc. Thực hiện Chương trình bảo tồn và phát huy bền vững giá trị di sản văn hoá Việt Nam giai đoạn 2021 - 2025, Chương trình số hóa Di sản văn hóa Việt Nam, giai đoạn 2021 - 2030;

Nghiên cứu quản lý và sử dụng hiệu quả các nguồn tài nguyên, đất đai, bảo vệ môi trường, ứng phó với thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu. Bảo vệ nghiêm ngặt nước đầu nguồn; nâng cao năng lực thực thi pháp luật về bảo vệ môi trường cho các tỉnh vùng Trung du và miền núi phía Bắc từ nay đến năm 2030. Đầu tư đổi mới hệ thống dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn, thiên tai và biến đổi khí hậu vùng. - Nghiên cứu quản lý, khai thác và phát triển rừng bền vững;

Triển khai các nhiệm vụ, giải pháp bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa phù hợp với phát triển kinh tế - xã hội; bảo tồn và tôn tạo các di tích lịch sử - văn hóa; giữ gìn và phát huy di sản văn hóa các dân tộc thiểu số.

Nâng cao hiệu quả hoạt động khoa học và công nghệ tại địa phương: Đổi mới cơ chế đặt hàng các nhiệm vụ khoa học và công nghệ: Các địa phương trong vùng cần đổi mới cơ chế đặt hàng các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh thông qua các chương trình, kế hoạch phát triển khoa học và công nghệ mang tính dài hạn hơn (từ 3-5 năm); Nâng cao hiệu quả hoạt động của hội đồng khoa học và công nghệ cấp huyện, tỉnh (TP): phân cấp, phân quyền giao trách nhiệm cụ thể cho từng chức danh thành viên hội đồng khoa học và công nghệ; Đào tạo bồi dưỡng nhân lực chuyên ngành khoa học và công nghệ cho các địa phương, nâng cao năng lực cho cán bộ phụ trách khoa học và công nghệ cấp huyện, cấp xã. Đảm bảo, nâng cao đời sống cho cán bộ phụ trách về khoa học và công nghệ; Kêu gọi đầu tư cho khoa học và công nghệ, ưu tiên đầu tư cho nghiên cứu khai thác phát huy tiềm năng lợi thế của vùng.

T.B.H

HỖ TRỢ THANH NIÊN KHỞI NGHIỆP GIAI ĐOẠN 2022 - 2030



Xây dựng, phát triển các kênh hỗ trợ phân phối và tiêu thụ sản phẩm khởi nghiệp của thanh niên

P hó Thủ tướng Chính phủ Vũ Đức Đam vừa ký Quyết định số 897/QĐ-TTg phê duyệt Chương trình “Hỗ trợ thanh niên khởi nghiệp” giai đoạn 2022 - 2030 với nhiều hỗ trợ như: tập huấn, bồi dưỡng kiến thức nền tảng cho thanh niên về khởi sự kinh doanh, phát triển doanh nghiệp; hỗ trợ thanh niên khởi nghiệp tiếp cận các nguồn vốn; xây dựng, phát triển các kênh hỗ trợ phân phối và tiêu thụ sản phẩm khởi nghiệp của thanh niên;...

Mục tiêu cụ thể của Chương trình giai đoạn 1 (2022 - 2025) là hỗ trợ ít nhất 8.000 thanh niên khởi nghiệp, trong đó có 1.000 thanh niên khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; hằng năm, 100.000 thanh niên được trang bị kiến thức, tập huấn nâng cao năng lực về khởi nghiệp và quản trị doanh nghiệp.

Ít nhất 80.000 doanh nghiệp do thanh niên làm chủ được tư vấn, hỗ trợ phát triển doanh nghiệp.

Hỗ trợ thành lập 200 hợp tác xã do thanh niên làm chủ. Hằng năm hỗ trợ duy trì ít nhất 200 xã triển khai Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) và có sản phẩm của thanh niên đạt chuẩn OCOP.

Tập huấn, bồi dưỡng kiến thức nền tảng cho thanh niên về khởi sự kinh doanh

Một trong các nhiệm vụ, giải pháp của Chương trình là hỗ trợ thanh niên khởi nghiệp và phát triển kinh doanh: Tìm kiếm, sàng lọc và củng cố các ý tưởng khởi nghiệp có tiềm năng; hỗ trợ nâng cao năng lực kinh doanh, khởi nghiệp cho thanh niên; hỗ trợ thanh niên khởi nghiệp tiếp cận các nguồn vốn, các nhà đầu tư trong và ngoài nước; xây dựng, phát triển các kênh hỗ trợ phân phối và tiêu thụ sản phẩm khởi nghiệp của thanh niên; hỗ trợ tư vấn pháp lý cho thanh niên khởi nghiệp; hỗ trợ liên kết, phát triển mạng lưới doanh nghiệp khởi nghiệp.

Trong đó, tập huấn, bồi dưỡng kiến thức nền tảng cho thanh niên về khởi sự kinh doanh, phát triển doanh nghiệp như: kiến thức về quản trị sản xuất, quản trị nhân sự, marketing, quản trị chất lượng, quản trị chuỗi cung ứng...

Tổ chức các lớp bồi dưỡng kiến thức về quản lý tài chính, kế toán, thuế, hướng dẫn quản lý, sử dụng vốn cho các doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ, cho thanh niên mới khởi

nghiệp; giới thiệu, tư vấn, kết nối cho thanh niên có ý tưởng kinh doanh, khởi nghiệp tham quan thực tế các nhà máy, các doanh nghiệp điển hình trong từng lĩnh vực, ngành nghề.

Tập huấn, bồi dưỡng chuyên sâu cho thanh niên khởi nghiệp kiến thức về chuyển đổi số, áp dụng công nghệ số trong quản trị doanh nghiệp, sản xuất sản phẩm, cung ứng dịch vụ, vận chuyển, quảng bá, tiêu thụ sản phẩm và các nội dung khác trong quá trình sản xuất kinh doanh; hỗ trợ thanh niên khởi nghiệp nâng cao năng lực kinh doanh theo chuỗi giá trị trên cơ sở khai thác thế mạnh, tiềm năng sẵn có của vùng miền, địa phương.

Hỗ trợ thanh niên khởi nghiệp tiếp cận các nguồn vốn

Hỗ trợ thanh niên tiếp cận các nguồn vốn, hỗ trợ tài chính thông qua các chương trình, chính sách ưu đãi cho thanh niên khởi nghiệp, lập nghiệp của Chính phủ; xây dựng các sàn giao dịch ý tưởng nhằm kết nối thanh niên với các quỹ đầu tư.

Tăng cường hỗ trợ vốn cho các cơ sở sản xuất, kinh doanh do đoàn viên, hội viên, thanh niên làm chủ thông qua nguồn vốn vay Quỹ Quốc gia về việc làm do Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, UBND tỉnh quản lý; do Ngân hàng Chính sách xã hội huy động, nguồn vốn Ngân hàng Chính sách xã hội nhận ủy thác từ các địa phương, các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì, mở rộng việc làm và nguồn vốn hợp pháp khác.

Đẩy mạnh hoạt động tìm kiếm, kết nối các doanh nghiệp mới thành lập với các quỹ đầu tư hỗ trợ khởi nghiệp; tư vấn, hỗ trợ các doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh cá thể của thanh niên tiếp cận các nguồn vốn tín dụng ưu đãi của Ngân hàng Chính sách xã hội và các ngân hàng thương mại.



Chủ động tham mưu cấp ủy, chính quyền địa phương phân bổ nguồn ngân sách để xây dựng các chương trình tín dụng ưu đãi hỗ trợ thanh niên khởi nghiệp; vận động nguồn xây dựng quỹ hỗ trợ thanh niên khởi nghiệp tại địa phương.

Xây dựng, phát triển các kênh hỗ trợ phân phối và tiêu thụ sản phẩm

Xây dựng, phát triển các kênh hỗ trợ phân phối và tiêu thụ sản phẩm khởi nghiệp của thanh niên. Cụ thể, định kỳ tổ chức các triển lãm, hội chợ sản phẩm khởi nghiệp; tổ chức các hoạt động xúc tiến thương mại giới thiệu sản phẩm khởi nghiệp.

Kết nối với các doanh nghiệp vận chuyển lớn ưu đãi chi phí vận chuyển các sản phẩm của thanh niên khởi nghiệp.

Tập huấn, bồi dưỡng, tư vấn cho thanh niên khởi nghiệp về các nghiệp vụ xuất nhập khẩu, cung cấp thông tin về các thị trường quốc tế; tổ chức các chương trình tư vấn, hỗ trợ doanh nghiệp mới thành lập, doanh nghiệp nhỏ và vừa, các hợp tác xã thanh niên áp dụng thương mại điện tử trong tiêu thụ sản phẩm.

Phát triển các mô hình chợ điện tử, liên kết với các sàn thương mại điện tử lớn để hỗ trợ giới thiệu, tiêu thụ sản phẩm; xây dựng thương hiệu, xây dựng bộ nhận diện sản phẩm cho thanh niên khởi nghiệp.

Nguyễn Vượng tổng hợp

ĐẨY MẠNH CHUYỂN ĐỔI SỐ HƯỚNG TỚI NÔNG THÔN MỚI THÔNG MINH

Chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới là giải pháp, nhiệm vụ trọng tâm trong triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025, phải phù hợp, góp phần thực hiện mục tiêu xây dựng nền nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại, nông dân văn minh. Chính vì vậy, ngày 2/8/2022, Phó Thủ tướng Thường trực Phạm Bình Minh ký Quyết định số 924/QĐ-TTg phê duyệt Chương trình chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới, hướng tới nông thôn mới thông minh giai đoạn 2021 - 2025.



Chương trình trên được triển khai đến hết năm 2025 ở khu vực nông thôn của cả nước (bao gồm cả các xã đặc biệt khó khăn vùng dân tộc thiểu số và miền núi, các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo, các huyện nghèo).

Mục tiêu tổng quát nhằm đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số trong xây dựng nông thôn mới nhằm tăng cường hiệu quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, góp phần thúc đẩy kinh tế nông thôn, nâng cao chất lượng đời sống người dân, thu hẹp dần khoảng cách về chất lượng dịch vụ giữa nông thôn - thành thị, từng bước hướng tới nông thôn mới thông minh.

Phát triển chính quyền số trong xây dựng nông thôn mới

Về phát triển chính quyền số trong xây dựng nông thôn mới, Chương trình phấn đấu đến năm 2025, Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới được tổ chức đồng bộ, thống nhất trên nền tảng công nghệ số, ít nhất 90% hồ sơ công việc cấp trung ương, cấp tỉnh, 80% hồ sơ công việc cấp huyện và 60% hồ sơ công việc cấp xã được xử lý trên môi trường mạng.

Ít nhất 97% số xã đạt chuẩn chỉ tiêu 8.4 của Tiêu chí số 8 về Thông tin và Truyền thông theo Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới; 50% số xã đạt chuẩn chỉ tiêu 8.4 của Tiêu chí số 8 về Thông tin và Truyền thông, 50% số xã đạt chuẩn chỉ tiêu số 15.2 của Tiêu chí số 15 về Hành chính công theo Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao.

Chương trình phấn đấu có ít nhất 60% đơn vị cấp huyện đạt chuẩn chỉ tiêu 9.5 của Tiêu chí số 9 về An ninh trật tự - Hành chính công theo Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới; 25% đơn vị cấp huyện đạt chuẩn chỉ tiêu 6.5 của Tiêu chí số 6 về Kinh tế, 25% đạt chỉ tiêu 9.2 của Tiêu chí số 9 về An ninh trật tự - Hành chính công theo Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới nâng cao.

Phấn đấu 100% cán bộ quản lý các cấp tham gia thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới được tập huấn, nâng cao năng lực về chuyển đổi số.

Chương trình phấn đấu phát triển kinh tế số, góp phần thúc đẩy kinh tế nông thôn. Cụ thể, ít nhất 70% xã có các hợp tác xã, 70% cấp huyện có các mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản chủ lực và 50% các mô hình liên kết gắn với vùng nguyên liệu có ứng dụng công nghệ số.

Xã hội số trong xây dựng nông thôn mới

Chương trình phấn đấu có ít nhất 40% đơn vị (cấp xã, huyện) cung cấp ít nhất một dịch vụ thiết yếu (y tế, giáo dục, giám sát cộng đồng, an ninh trật tự, môi trường, văn hóa) và tổ chức lấy ý kiến phản hồi về sự hài lòng của người dân/cộng đồng về kết quả

xây dựng nông thôn mới thông qua ứng dụng trực tuyến.

Phấn đấu mỗi tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có ít nhất 01 mô hình thí điểm xã nông thôn mới thông minh theo lĩnh vực nổi trội nhất (kinh tế, du lịch nông thôn, môi trường, văn hoá...), làm cơ sở để tổng kết và đề xuất Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới thông minh giai đoạn 2026 - 2030.

Thúc đẩy kinh tế số trong phát triển kinh tế nông thôn

Để đạt được mục tiêu trên, Chương trình đặt ra một số nhiệm vụ chủ yếu như: Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức, chuyển đổi tư duy về chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới cho cấp ủy, chính quyền, cán bộ và cộng đồng dân cư; đẩy mạnh xây dựng chính quyền số trong xây dựng nông thôn mới; thúc đẩy kinh tế số trong phát triển kinh tế nông thôn.

Đồng thời, tập trung phát triển xã hội số trong xây dựng nông thôn mới như đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số trong hoạt động lấy ý kiến sự hài lòng của người dân về kết quả xây dựng nông thôn mới...

Ngọc Lan tổng hợp



PHÚ THỌ ĐẨY MẠNH CÔNG TÁC CHUYỂN ĐỔI SỐ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

► Nguyễn Linh
Sở Thông tin & Truyền thông Phú Thọ

N ngày 3/6/2022,
Ủy ban
n h â n
dân tỉnh Phú
Thọ đã ban
hành Kế
h o ạ c h
2050/KH-
UBND về
C h u y ể n
đổi số tỉnh
Phú Thọ
năm 2022.
Kế hoạch nhằm
định hướng đến các
cấp, các ngành tổ chức thực hiện đồng bộ
các nhiệm vụ, giải pháp đẩy mạnh phát

**Đại
hội XIII
của Đảng xác định:
Chuyển đổi số một trong
những định hướng phát triển,
nhiệm vụ trọng tâm và khâu đột
phá chiến lược. Nội dung này đã
và đang được cấp uỷ các cấp ở
Phú Thọ tập trung triển khai với
quyết tâm, quyết liệt trên cả
3 trụ cột: chính quyền số,
kinh tế số và xã hội
số.**

triển Chính quyền số để thúc đẩy chuyển đổi kinh tế số, xã hội số; phát huy hiệu quả chuyển đổi số để nâng cao năng lực, hiệu lực trong hoạt động của bộ máy hành chính Nhà nước, chất lượng phục vụ người dân và doanh nghiệp góp phần nâng cao các chỉ số cạnh tranh, cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư, kinh doanh của tỉnh Phú Thọ. Chuyển đổi số là nhiệm vụ quan trọng trong sự phát triển của tỉnh Phú Thọ

Trong phát triển hạ tầng số, Kế hoạch đề ra mục tiêu đạt 85% tỷ lệ dân số có điện thoại thông minh; 75% tỷ lệ hộ gia đình có đường Internet cáp quang băng rộng. Trong phát triển chính quyền số, Kế hoạch hướng đến 80% tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến phát sinh hồ sơ; tỷ lệ hồ sơ TTHC xử lý trực tuyến

đạt 50%; Triển khai ứng dụng Nền tảng bản đồ số để cung cấp dịch vụ phát triển các ứng dụng, dịch vụ dựa trên nền bản đồ, phục vụ quản lý Nhà nước và các lĩnh vực đời sống, kinh tế, xã hội trên địa bàn tỉnh...

Bên cạnh đó, đối với phát triển kinh tế số, xã hội số, Kế hoạch đề ra mục tiêu tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số đạt 30%; tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng hợp đồng điện tử đạt 50%; hoá đơn điện tử đạt 100%; tỷ trọng doanh thu thương mại điện tử trong tổng mức bán lẻ trên địa bàn tỉnh đạt 7%...

Để được các mục tiêu mà Kế hoạch đề ra, công tác chỉ đạo, điều hành từ phía cơ quan quản lý cần được đẩy mạnh. Trong đó, việc ban hành kịp thời các văn bản chỉ đạo thực hiện chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Phú Thọ; tăng cường ứng dụng các nền tảng số trong cơ quan Nhà nước, tập trung triển khai các giải pháp chuyển đổi số nhằm nâng cao chất lượng cải cách hành chính, phục vụ người dân và doanh nghiệp là nhiệm vụ quan trọng. Bên cạnh đó, Kế hoạch chỉ rõ nhiệm vụ của Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND các huyện, thành, thị cần trực tiếp chỉ đạo và chịu trách nhiệm về kết quả triển khai Chuyển đổi số tại cơ quan, đơn vị mình. Đồng thời thường xuyên theo dõi, giám sát tình hình thực hiện Kế hoạch tại các cấp, các ngành; tổng hợp kết quả, đánh giá, rút kinh nghiệm và điều chỉnh kịp thời nhằm hoàn thành các mục tiêu đã đề ra.

Ngoài ra, để đạt được các mục tiêu về phát triển hạ tầng số, cần có sự chỉ đạo các doanh nghiệp viễn thông phát triển hạ tầng mạng lưới, cung cấp mạng truyền số liệu chuyên dùng phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo các cấp; bảo đảm hạ tầng kỹ thuật xây dựng chính quyền số, kinh tế số, xã hội số. Đồng thời phát triển hạ tầng kết nối số cho người dân; phủ mạng cáp quang, mạng di động băng rộng đến tất cả các thôn, bản,

khu vực dân sinh trên cả tỉnh; tăng nhanh tỷ lệ người dùng Internet, nhất là khu vực nông thôn, vùng sâu, vùng xa; mở rộng băng thông và nâng cao chất lượng dịch vụ mạng di động, phủ sóng các vùng trắng, vùng lõm...

Cùng với đó, tổ chức các khóa đào tạo, bồi dưỡng ứng dụng CNTT, phổ biến các văn bản quản lý Nhà nước về công nghệ số; Tổ chức phổ biến, đào tạo, tập huấn, tuyên truyền kiến thức cho đội ngũ cán bộ công chức, viên chức, người lao động trong tác cơ quan Nhà nước về chuyển đổi số. Rà soát, đổi mới nội dung, hình thức trong phát triển nguồn nhân lực số: đội ngũ cán bộ, công chức có các kỹ năng đáp ứng yêu cầu triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số. Tổ chức tối thiểu 01 lớp đào tạo thông qua hình thức trực tuyến, cho phép cán bộ công chức, viên chức vừa học vừa làm, kịp thời hỗ trợ, bổ sung các kỹ năng theo yêu cầu là những nhiệm vụ trong mục tiêu phát triển Chính quyền số.

Đối với việc phát triển kinh tế số, xã hội số, cần đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến rộng rãi thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, hệ thống thông tin cơ sở, thông tin điện tử, mạng xã hội về triển khai Chuyển đổi số, ứng dụng số, kỹ năng số cho người dân và doanh nghiệp. Phát triển kỹ năng số, công dân số, văn hóa số, doanh nghiệp số; phát triển thanh toán điện tử, thanh toán không dùng tiền mặt. Đặc biệt, cần ứng dụng thương mại điện tử, hỗ trợ các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ gia đình, nhóm hộ gia đình tham gia các sàn thương mại điện tử lớn trong và ngoài nước nhằm thúc đẩy quảng bá và tiêu thụ hàng nông sản, đặc trưng và tiềm năng của tỉnh. Xây dựng, triển khai nền tảng bản đồ số cung cấp dịch vụ để phát triển các ứng dụng, dịch vụ dựa trên nền tảng bản đồ phục vụ khai thác của người dân, doanh nghiệp.

N.L

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN CHÈ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH PHÚ THỌ GIAI ĐOẠN 2022 - 2025

► Thanh Huyền

Với thế mạnh là một trong những địa phương có diện tích trồng chè và sản lượng chè đứng đầu cả nước, tỉnh Phú Thọ đang đẩy mạnh triển khai các giải pháp nhằm phát triển ngành chè bền vững, đưa nông sản này trở thành ngành kinh tế chủ lực.



Hiện nay, trên địa bàn tỉnh Phú Thọ đã hình thành và phát triển 142 vùng sản xuất chè xanh tập trung với diện tích 3,25 nghìn ha; việc ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, cơ giới hóa trong sản xuất chè được ngày càng được nhân rộng đã góp phần đảm bảo an toàn thực phẩm, nâng cao năng suất, chất lượng và giá trị sản phẩm. Có thể thấy, thời gian qua, cơ cấu sản phẩm chè qua chế biến trên địa bàn tỉnh có sự dịch chuyển theo hướng tăng tỷ lệ chè xanh và chè khác (chè ô long, chè ướp hương, chè Matcha,...) chiếm khoảng 30%; công tác quản lý, xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu chè ngày càng được quan tâm, đến nay có 18 sản phẩm chè đạt chứng nhận sản phẩm OCOP cấp tỉnh từ 3 sao trở lên, trong đó có 10 sản phẩm chè hạng 4 sao.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, phát triển sản xuất chè tại tỉnh Phú Thọ còn một số tồn tại, hạn chế như: Sản xuất quy mô nông hộ nhỏ lẻ, manh mún, thiếu liên kết, nhận thức về sản xuất hàng hóa, an toàn thực phẩm còn hạn chế; liên kết giữa phát triển vùng nguyên liệu và cơ sở chế biến thiếu chặt chẽ, đa số tiêu thụ qua thương lái, không có hợp đồng, còn tình trạng tranh mua, tranh bán chè nguyên liệu.

Việc áp dụng quy trình kỹ thuật canh tác còn hạn chế, năng suất, chất lượng chè còn thấp, chưa đảm bảo an toàn thực phẩm; tỷ lệ cơ cấu giống chè phục vụ chế biến chè xanh chất lượng cao còn thấp, sản phẩm chủ yếu là chè đen, sản phẩm chế biến chủ yếu xuất thô, giá bán thấp, hiệu quả kinh tế chưa cao...

Để khắc phục những tồn tại, hạn chế nêu trên và nâng cao hiệu quả kinh tế trong sản xuất chè, xây dựng ngành chè thành ngành hàng chủ lực có giá trị gia tăng cao, Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ vừa Ban hành Kế hoạch phát triển chè trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2022- 2025.

Kế hoạch được triển khai nhằm cơ cấu lại ngành chè theo hướng tăng cường liên kết, phát triển các vùng sản xuất hàng hóa tập trung, nâng cao hiệu quả các hình thức tổ chức sản xuất, hình thành và phát triển các doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, trang trại liên kết sản xuất, chế biến và tiêu thụ theo chuỗi giá trị ngành hàng.

Ứng dụng khoa học công nghệ đồng bộ trong các khâu từ sản xuất, đến chế biến góp phần nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả sản xuất; sản xuất đảm bảo an toàn thực phẩm, áp dụng các quy trình sản xuất nông nghiệp tốt (GAP, 3 hữu cơ...), xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu sản phẩm, nâng cao giá trị gia tăng, sức cạnh tranh của sản phẩm và phát triển bền vững; tăng cường hoạt động quảng bá, xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm.

Đồng thời tăng cường liên kết phát triển các vùng sản xuất hàng hóa tập trung, thu hút đầu tư phát triển vùng nguyên liệu chè xanh chất lượng cao gắn với chế biến sâu, đa dạng hóa sản phẩm từ chè; chú trọng cải tạo vùng nguyên liệu chè hiện có, trồng bổ sung thay thế diện tích chè cần xấu bằng các giống có chất lượng cao phục vụ chế biến và xuất khẩu.

Cụ thể, đến năm 2025, Phú Thọ đặt mục tiêu ổn định diện tích chè toàn tỉnh

khoảng 15,7 nghìn ha, năng suất chè búp tươi bình quân đạt 125 tạ/ha, sản lượng đạt 195 nghìn tấn, tăng 5,3% (10 nghìn tấn) so với năm 2021; Trồng mới, trồng bổ sung diện tích chè cần xấu khoảng 600 ha để nâng diện tích vùng sản xuất tập trung đạt trên 6 nghìn ha.

Khuyến khích trồng thay thế, cải tạo chè bằng các giống chè chất lượng cao, phát triển các vùng sản xuất tập trung chè xanh chất lượng cao trên địa bàn các huyện trọng điểm: Đoan Hùng, Hạ Hòa, Thanh Ba, Yên Lập, Thanh Sơn, Tân Sơn.

Ngoài ra, tỉnh cũng chú trọng áp dụng biện pháp kỹ thuật, tiêu chuẩn an toàn, hệ thống quản lý, công cụ cải tiến năng suất trong sản xuất, chế biến chè. Phần đầu diện tích chè ứng dụng IPM đạt 90%; diện tích chè được áp dụng quy trình sản xuất tốt, an toàn chiếm trên 40% (khoảng 6 nghìn ha, trong đó chứng nhận mới 2,6 nghìn ha đạt tiêu chuẩn VietGAP).

Đa dạng hóa sản phẩm chè, phấn đấu tỷ lệ chè xanh và các sản phẩm chè chế biến sâu (Ô long, thảo dược, matcha,...) đạt trên 40% trong cơ cấu chế biến; phấn đấu giá trị



Sản phẩm chè Phú Hộ

sản phẩm bình quân chè xanh đạt khoảng 135 triệu đồng/1ha; tỷ lệ sản phẩm được sản xuất dưới các hình thức hợp tác, liên kết đạt 40%; 100% thành viên HTX sản xuất nông nghiệp, trang trại, nông dân nông cốt tại vùng sản xuất tập trung được đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực về quản lý, cập nhật và áp dụng tiến bộ kỹ thuật, thông tin thị trường.

Tỉnh cũng phấn đấu 100% diện tích sản xuất chè tập trung được quản lý, cấp mã số vùng trồng, cơ sở đóng gói, truy suất nguồn gốc theo yêu cầu của các nước nhập khẩu; Xây dựng, hình thành các vùng sản xuất chè an toàn, liên kết sản xuất, chế biến, hình thành và phát triển 3-4 điểm quảng bá văn hóa trà đất Tổ gắn với du lịch.

Để hoàn thành mục tiêu, tỉnh Phú Thọ tập trung chỉ đạo tổ chức lại sản xuất theo hướng tăng cường liên kết theo hợp đồng giữa doanh nghiệp chế biến với hợp tác xã, tổ hợp tác, xây dựng vùng nguyên liệu và bao tiêu sản phẩm nhằm đảm bảo sự ổn định triển khai 08 dự án hỗ trợ phát triển chè (06 dự án hỗ trợ sản xuất gắn với xây dựng thương hiệu chè xanh Phú Thọ; 02 dự án liên kết sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm), xây dựng phát triển các sản phẩm OCOP (với ít nhất 38



Phát triển Thương hiệu chè Phú Thọ gắn với du lịch sinh thái

sản phẩm đạt từ 3 sao trở lên) phấn đấu tỷ lệ sản phẩm sản xuất tiêu thụ thông qua các hình thức hợp tác, liên kết đạt 55-60 nghìn tấn/năm.

Điều chỉnh cơ cấu sản phẩm, trong đó tập trung các khâu về giống, chế biến. Trong đó, Thực hiện trồng mới, trồng thay thế khoảng 600 ha tại các vùng sản xuất tập trung bằng các giống chè mới, chất lượng cao (phù hợp cho chế biến chè xanh gồm giống PH8, Kim Tuyên, Phúc Vân Tiên, Bát Tiên, Hương Bắc Sơn, VN15; phù hợp chế biến chè đen là PH11, PH1, LDP2 và phù hợp cho cả chế biến chè xanh và chè đen là LDP1, TRI5.0); nâng tỷ lệ chè giống mới có chất lượng, năng suất, chất lượng cao đạt trên 80% (tăng 3% so với năm 2021).

Phấn đấu nâng cao tỷ lệ chế biến chè xanh đạt 40%; khuyến khích các doanh nghiệp, cơ sở chế biến đổi mới dây chuyền, thiết bị chế biến chế biến hiện đại, chế biến sâu, đảm bảo an toàn thực phẩm; xây dựng và áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia và quốc tế; thực hiện chứng nhận hệ thống quản lý tiên tiến ISO, HACCP...

Xây dựng, phát triển các vùng sản xuất chè theo hướng sinh thái gắn với phát triển du lịch, hình thành một số điểm quảng bá văn hoá trà Đất Tổ với diện tích khoảng 1.000 ha tại các huyện có lợi thế như: Vùng đồi chè Long Cốc, Văn Lương, Minh Đài, Mỹ Thuận huyện Tân Sơn); vùng chè Shan gắn với điểm du lịch Vườn Quốc gia Xuân Sơn; vùng đồi chè Địch Quả, Văn Miếu, Võ Miếu huyện Thanh Sơn) gắn với điểm du lịch trải nghiệm; vùng đồi chè Yên Kỳ (Hạ Hòa) gắn với điểm du lịch văn hóa, nông nghiệp, làng nghề.

Đẩy mạnh chuyển giao và ứng dụng khoa học công nghệ, nhất là công nghệ cao, công nghệ sinh học, các quy trình sản xuất an toàn, hữu cơ, áp dụng công cụ hỗ trợ cho sản xuất thông minh để nâng cao năng suất, chất lượng, sức 6 cạnh tranh của sản phẩm; Áp dụng công nghệ sau thu hoạch, chế biến và bảo quản sản phẩm, ưu tiên chế biến tinh, chế biến sâu, đa dạng hóa sản phẩm (chè xanh chất lượng cao, chè Ô long, matcha, nước uống đóng chai từ chè...);

Hỗ trợ tạo lập, quản lý, khai thác và phát triển nhãn hiệu, thương hiệu, sở hữu trí tuệ cho các sản phẩm chè trên cơ sở đẩy mạnh việc triển khai thực hiện chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP). Phấn đấu đến năm 2025, tăng thêm 7 tối thiểu 05 doanh nghiệp, hợp tác xã sản xuất, kinh doanh chè đủ điều kiện và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận “Chè Phú Thọ”.

Tăng cường xúc tiến việc xây dựng, đăng ký nhãn mác hàng hoá, chuẩn hoá chất lượng sản phẩm để các doanh nghiệp chế biến chè của tỉnh được gắn “thương hiệu Quốc gia chè Việt Nam”; đăng ký bảo hộ sở hữu trí tuệ Nhãn hiệu chứng nhận “Chè Phú Thọ” tại một số thị trường nước ngoài tiềm năng như Mỹ, Nhật, Ấn Độ, Trung Quốc và một số nước Trung Đông.

Phấn đấu đến năm 2025 có 100% sản phẩm chè OCOP (38 sản phẩm) đạt chứng nhận 3 sao trở lên được cấp nhãn hiệu chè Phú Thọ; 100% sản phẩm chè mang nhãn hiệu chứng nhận Chè Phú Thọ được truy suất nguồn gốc, kiểm soát chặt chẽ về chất lượng, đảm bảo an toàn thực phẩm.

T.H

TĂNG CƯỜNG ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ TRONG SẢN XUẤT CHÈ AN TOÀN GẮN VỚI TIÊU THỤ SẢN PHẨM

Tỉnh Phú Thọ hiện có gần 15,7 nghìn ha trồng chè với sản lượng chè búp tươi đạt 181,8 nghìn tấn/năm. Trong đó có 11,0 nghìn ha diện tích sản xuất chè an toàn. Các giống chè có chất lượng cao như Kim Tuyên, Phúc Vân Tiên, PH8, PH10, LDP1 được xuất khẩu sang nhiều nước trên thế giới như Ấn Độ, Trung Quốc, Đức, Anh. Những năm gần đây, tỉnh chú trọng việc xây dựng nhãn hiệu “Chè Phú Thọ”, trong đó đẩy mạnh ứng dụng công nghệ trong sản xuất chè xanh để tạo thương hiệu khẳng định vị thế của chè Đất Tổ.



HTX Chè Thành Nam đầu tư hơn 7 tỷ đồng để mua máy móc phục vụ sản xuất

Toàn tỉnh có 18 sản phẩm chè đạt chứng nhận sản phẩm OCOP cấp tỉnh từ 3 sao trở lên, trong đó có 10 sản phẩm chè hạng 4 sao (trà Olong, chè xanh Bát Tiên, chè xanh đặc sản Phú Hộ, trà Matcha sữa,...), 8 sản phẩm chè hạng 3 sao (chè xanh Yên Kỳ, chè xanh Phú Hộ, chè xanh Cẩm Mỹ...). Một số doanh nghiệp tham gia chế biến sâu



Thành viên HTX chè an toàn Văn Miếu thu hoạch chè xanh

kết hợp với xây dựng thương hiệu sản phẩm như Công ty TNHH MTV Thế Hệ Mới Phú Thọ với sản phẩm chè túi lọc, nước trà đóng hộp - đóng chai, bột trà xanh Matcha, trà sữa tươi,.. Công ty TNHH Chè Bảo Long với sản phẩm chè Olong, chè xanh viên, chè xanh mộc; Công ty TNHH chè Hoài Trung, Công ty chè Hà Trang...

Hiện nay, trên địa bàn tỉnh việc thực hiện quy hoạch, phân vùng nguyên liệu gắn trách nhiệm của các cơ sở chế biến với việc đầu tư xây dựng vùng nguyên liệu thông qua việc ký kết các hợp đồng liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm cho nông dân, từ đó đã hình thành 57 doanh nghiệp chế biến chè có công suất trên 10 tấn búp tươi/ngày. 100% cơ sở chế biến có vùng nguyên liệu hoặc ký kết hợp đồng xây dựng vùng nguyên liệu đảm bảo đủ cho nhà máy hoạt động theo quy định hiện hành (tiêu chuẩn, quy chuẩn quốc gia về cơ sở

chế biến chè, nhà máy chế biến chè). 21/57 cơ sở (chiếm tỷ lệ 36,8%) chế biến chè công suất trên 1 tấn búp tươi/ngày được áp dụng hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến ISO, HCCP; 142 vùng sản xuất chè xanh tập trung với diện tích 3.256ha chè được chứng nhận sản xuất theo quy trình an toàn.

Để các vùng trồng chè phát huy hiệu quả và nâng cao năng suất, cung ứng đủ nguồn hàng hóa cho các cơ sở chế biến, ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã tổ chức lớp tập huấn, hướng dẫn cho các hộ trồng chè ứng dụng kỹ thuật vào sản xuất như: Trồng thay thế chè hạt bằng các giống chè mới cho năng suất, chất lượng cao; trồng cây che bóng cho chè; hướng dẫn sử dụng phân bón hữu cơ, phân bón chuyên dụng cho chè; hướng dẫn quy trình thu hái chè và chăm sóc, đốn tỉa sau khi thu hoạch; cách áp dụng công nghệ tưới tiết kiệm... Nhờ được hướng dẫn kỹ thuật trồng

và chăm sóc chè, các hộ trồng chè đã đảm bảo nguồn nguyên liệu ổn định còn các cơ sở chế biến cũng kiểm soát được chất lượng chè thành phẩm. Đến nay, cơ cấu sản phẩm chè đen của tỉnh chiếm khoảng 70%, chè xanh và chè khác (chè ô long, chè ướp hương, chè Matcha,...) chiếm khoảng 30%.

Bên cạnh kỹ thuật trồng, chăm sóc chè thì công nghệ, năng lực bảo quản, sơ chế, chế biến và bao bì nhãn mác sản phẩm chè được cải thiện. Một số doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, chế biến chè đen, chè xanh đã đầu tư máy diệt men, máy sao chè bằng gas, máy vò inox nên khi chè làm ra đã bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm, hình thức sản phẩm cũng đẹp hơn, tiết kiệm chi phí hơn nên được khách hàng ưa chuộng. Nhiều doanh nghiệp, làng nghề, HTX sản xuất, chế biến chè xanh xây dựng nhãn hiệu, thương hiệu sản phẩm được bảo hộ sở hữu trí tuệ.

Được thành lập từ năm 2020 với 15 thành viên, HTX Chè Thành Nam (thị trấn Thanh Sơn, huyện Thanh Sơn) đã liên kết sản xuất chè an toàn trên diện tích 50ha với 15 hộ dân, cho doanh thu trên 300 triệu đồng/năm.

Đặc biệt, tháng 10/2021, 2 sản phẩm của HTX là chè Tôm nõn Thành Nam chất lượng cao và chè Hoa Nhài Thành Nam chất lượng cao đã được UBND tỉnh công nhận là sản phẩm OCOP hạng 3 sao. Hiện sản phẩm của HTX đã được xuất khẩu sang nước Ả Rập Xê Út và được bày bán trong hệ thống các siêu thị trong cả nước.

Bà Dương Thị Duyên - Giám đốc HTX Chè Thành Nam cho biết: Với mong muốn mang đến cho người sử dụng sản phẩm tốt nhất, khi mới thành lập chúng tôi đã đầu tư hơn 7 tỷ đồng để mua máy móc phục vụ sản xuất. Các thành viên trong HTX đã nghiên cứu, áp dụng các kỹ thuật tiên tiến cùng biện pháp canh tác an toàn khép kín từ khâu trồng, chăm sóc, thu hái đến chế biến nên có thể kiểm soát được chất lượng chè, đáp ứng được yêu cầu của khách hàng, sản phẩm làm ra đến đâu tiêu thụ hết đến đó.

Ngoài HTX Chè Thành Nam trên địa bàn tỉnh còn có một số HTX như: HTX chè an toàn Văn Miếu, HTX sản xuất chế biến chè Phú Thịnh, HTX chè xanh Yên Kỳ, HTX chè an toàn Long Cốc... cũng đã kịp thời ứng dụng công nghệ vào sản xuất, từ đó xây dựng được chuỗi liên kết sản xuất và nhãn hiệu tập thể, đưa sản phẩm chè Phú Thọ vươn xa thị trường trong và ngoài nước.

Việc đẩy mạnh chuyển giao và ứng dụng khoa học công nghệ, nhất là công nghệ cao, công nghệ sinh học, các quy trình sản xuất an toàn, hữu cơ để nâng cao năng suất, chất



Sản phẩm chè tôm nõn của HTX Chè Thành Nam được UBND tỉnh công nhận là sản phẩm OCOP hạng 3 sao năm 2021



Nhờ đầu tư máy móc hiện đại trong chế biến, sản phẩm của HTX Chè an toàn Long Cốc (huyện Tân Sơn) đạt chứng nhận OCOP 4 sao của tỉnh Phú Thọ

lượng, mẫu mã, sức cạnh tranh của sản phẩm đã được ngành Nông nghiệp và các địa phương trong tỉnh chú trọng. Trong đó, thực hiện nhiều chính sách hỗ trợ cho sản xuất và chế biến để nâng cao chất lượng và giá trị sản phẩm chè Phú Thọ như hỗ trợ 15 doanh nghiệp vừa và nhỏ đổi mới công nghệ sao, sấy, phân loại trong chế biến chè xanh và chè đen đồng bộ, hiện đại. Tăng cường ứng dụng chuyển đổi số vào hoạt động quản lý sản xuất và chế biến, tiêu thụ sản phẩm phục vụ công tác quản lý, truy xuất nguồn gốc sản phẩm và kết nối giao thương trên không gian mạng. Nâng cao năng lực cơ giới hóa ở tất cả các khâu trong chuỗi giá trị; tiếp tục chuyển giao, ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật mới (giống, biện pháp canh tác, phân bón, công nghệ tưới...) nhằm nâng cao năng suất, chất lượng chè nguyên liệu.

“Cùng với việc tăng cường hợp tác với các Viện, Trung tâm nghiên cứu khoa học ứng dụng và chuyển giao công nghệ tiên tiến vào sản xuất, ngành Nông nghiệp và các địa phương cần đẩy mạnh áp dụng các quy trình sản xuất nông nghiệp tuần hoàn, hữu cơ, an toàn thực phẩm bền vững trong sản xuất đặc biệt là với vùng sản xuất tập trung. Đảm bảo 100% diện tích sản xuất chè xanh tập trung được sản xuất theo quy trình sản xuất an toàn (RA, VietGAP, hữu cơ...), trong đó có 2% diện tích vùng tập trung được sản xuất theo hướng hữu cơ. Tiếp tục đổi mới thiết bị chế biến theo hướng đồng bộ, hiện đại; sử dụng công nghệ cao trong bảo quản, đóng gói sản phẩm như máy hút chân không, sao tẩm, máy ủ hương, máy đóng gói nâng cao chất lượng sản phẩm, đảm bảo an toàn thực phẩm” - ông Trần Tú Anh - Phó Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cho biết.

Theo phutho.gov.vn

TIẾP XÚC VỚI ÁNH NẮNG MẶT TRỜI CÓ THỂ GIÚP TRÁNH KHỎI CÁC DẠNG NGHIÊM TRỌNG CỦA COVID-19



Theo một nghiên cứu gần đây, việc tiếp xúc tốt với vitamin D sẽ ngăn ngừa các dạng nghiêm trọng của Covid-19

Vitamin D có phải là cách mới chống lại làn sóng Covid-19 tiếp theo? Theo kết luận của một nghiên cứu được thực hiện bởi các nhà nghiên cứu từ trường Cao đẳng Trinity ở Dublin (Ireland). Theo nghiên cứu mới này, vitamin D sẽ cho phép cơ thể tự bảo vệ mình chống lại các dạng nghiêm trọng của Covid-19. Những phát hiện này đã được công bố trên tạp chí *Scientific Reports*.

Theo các nhà nghiên cứu Ireland, vitamin D được cung cấp bởi bức xạ mặt trời có thể ngăn ngừa các dạng vi rút nghiêm trọng. Thật vậy, các nhà nghiên cứu đã phân tích mối liên hệ giữa mức độ bức xạ mặt trời tại nơi ở của bệnh nhân những tuần trước khi nhiễm bệnh và việc giảm nguy cơ phát triển một dạng nặng. Lina Zgaga, trưởng nhóm nghiên cứu,

cho biết: “Nghiên cứu của chúng tôi bổ sung thêm bằng chứng cho thấy vitamin D có thể bảo vệ chống lại nhiễm trùng nặng. Tiến hành một thử nghiệm Covid-19 được thiết kế đúng cách để bổ sung vitamin D là điều cần thiết”.

Cơ quan An toàn Thực phẩm Quốc gia (ANSES) của Ireland đã khuyến cáo việc tiếp xúc đủ với ánh sáng mặt trời sẽ giúp duy trì lượng vitamin D trong cơ thể. Cụ thể họ khuyên người dân nên phơi nắng từ 15 đến 20 phút vào cuối buổi sáng hoặc buổi chiều. Vào tháng 5 năm 2020, Học viện Y khoa nước này cũng đã nói về mối tương quan có thể có giữa vitamin D và Covid-19. Sau đó, họ đã đề cập đến “mối tương quan đáng kể giữa nồng độ vitamin D trong huyết thanh thấp và tỷ lệ tử vong do Covid-19”.

Theo vista.gov.vn

Y HỌC TÁI TẠO TRÊN KHÔNG GIAN VÀ KỸ THUẬT MÔ

Y học tái tạo (RM) là một lĩnh vực đang phát triển nhanh chóng nhằm mục đích mô hình hóa sinh lý học và sinh lý bệnh của con người (Mô hình hóa bệnh - DM) bằng cách tạo ra các cơ quan và mô được in sinh học 3D và sử dụng chip cơ quan nội tạng (Organ-on-a-Chip-O^oC), các cơ quan (organoids) nuôi cấy tế bào 3D và các hệ thống khác.

O^oC ngày càng được coi là một công nghệ thay đổi cuộc chơi tiềm năng trong RM / DM được sinh ra từ sự hội tụ của kỹ thuật mô và công nghệ nuôi cấy vi lỏng. Mặc dù vậy, lĩnh vực này vẫn chưa đưa O^oC vào các quy trình chẩn đoán hoặc điều trị thông thường vì một loạt thách thức và rào cản đòi hỏi sự đột phá về công nghệ. Trong không gian, một số thay đổi sâu sắc diễn ra trong các tế bào, bao gồm những thay đổi trong tín hiệu tế bào, tập hợp tế bào hoặc trong vật lý chuyển động của chất lỏng do vi trọng lực. Trọng tâm chính có thể là các mô hình thí nghiệm đặt trong không gian để nghiên cứu các bệnh ảnh hưởng đến tim, hệ thống miễn dịch, xương và cơ và bao gồm các cuộc điều tra dựa trên tế bào gốc, mô in sinh học và biểu hiện gen. Thử nghiệm bên ngoài điều kiện Trái đất tạo cơ hội cho những khám phá không thể thực hiện trên Trái đất có thể là nền tảng để nghiên cứu tốt hơn các

hiện tượng sinh học và di truyền quan trọng như tín hiệu và tập hợp tế bào, vật lý chuyển động của chất lỏng do vi trọng lực và biểu hiện gen. Về lâu dài, y học dựa trên tế bào gốc và không tái tạo bao gồm kỹ thuật mô, là việc thay thế thành công các cơ quan hoặc bộ phận cơ quan bị bệnh bằng các chất thay thế được sản xuất trong ống nghiệm có tiềm năng tích hợp hoàn toàn vào cơ thể bệnh nhân, sẽ tác động đến việc điều trị một loạt các điều kiện bệnh lý. Nhiều yếu tố tái lập trình đã được biết đến có thể gây ra sự phân hóa mô và tái tổng hợp các giai đoạn phát triển sau đó, dẫn đến việc nuôi cấy tế bào tương tự về mặt giải phẫu và sinh lý với cơ quan đích. Với y học tái tạo không gian kết hợp với phương pháp tiếp cận kỹ thuật mô, chúng ta có tiềm năng đạt được những hiểu biết quan trọng về các chức năng sinh học chính liên quan đến các lĩnh vực y tế chưa được đáp ứng.

Lĩnh vực này dựa trên các xu hướng công nghệ mới nổi như: bionics (y học), phòng thí nghiệm trên chip (Lab-on-a-chip), nhận dạng phân tử, các bộ phận của con người được in sinh học, kiểm soát biểu hiện gen, công nghệ thay đổi biểu sinh, microbiome, y học tái tạo, tế bào người được tái lập trình, quang hợp nhân tạo, vật liệu tự phục hồi.

Theo vista.gov.vn

MÀNG NHỰA TIÊU DIỆT VI RÚT BẰNG ÁNH SÁNG ĐÈN HUỖNH QUANG

Các nhà nghiên cứu tại trường Đại học Queen's Belfast ở Anh đã tạo ra một loại màng nhựa tiêu diệt vi rút tấn công bề mặt bằng ánh sáng đèn huỳnh quang. Đây là loại màng tự khử trùng đầu tiên có chi phí sản xuất thấp, dễ điều chỉnh kích thước và có thể được sử dụng cho tạp dề, khăn trải bàn và rèm cửa dùng một lần trong bệnh viện. Màng nhựa được phủ một lớp mỏng các hạt hấp thụ tia UV và tạo ra các loại oxy phản ứng (ROS) có tác dụng tiêu diệt vi rút, kể cả vi rút SARS-CoV-2.

Màng nhựa mới có thể phân hủy, không như các màng nhựa dùng một lần hiện nay, sẽ thân thiện hơn với môi trường. Bước đột phá này sẽ làm giảm đáng kể sự lan truyền vi rút không chỉ trong môi trường chăm sóc sức khỏe mà còn trong các môi trường khác sử dụng màng nhựa như nhà máy sản xuất thực phẩm.

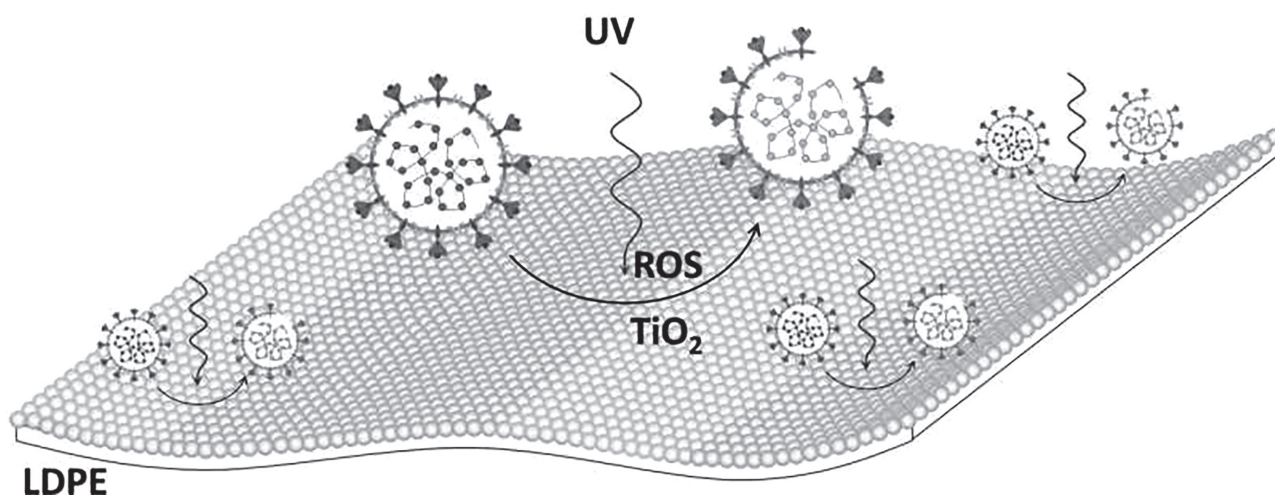
Nhóm nghiên cứu đã thử nghiệm màng kháng vi rút bằng cách sử dụng bốn loại vi rút khác nhau (bao gồm hai chủng vi rút cúm A, một loại vi rút picorna có độ ổn định cao được gọi là EMCV và vi rút SARS-CoV-2) và cho tiếp xúc với bức xạ UVA hoặc ánh sáng từ đèn huỳnh quang có ánh sáng trắng. Kết quả là màng nhựa tiêu diệt hiệu quả tất cả các loại

vi rút, ngay cả trong một căn phòng chỉ được chiếu sáng bằng đèn huỳnh quang trắng.

GS. Andrew Mills, đồng tác giả nghiên cứu, nhận xét, “Màng nhựa kháng vi rút của chúng tôi có thể thay thế nhiều loại màng nhựa dùng một lần được sử dụng trong lĩnh vực chăm sóc sức khỏe vì nó có giá trị gia tăng là tự khử trùng mà không mất thêm chi phí. Qua thử nghiệm nghiêm ngặt, chúng tôi đã phát hiện ra rằng màng nhựa tiêu diệt hiệu quả vi rút chỉ trong điều kiện ánh sáng phòng. Đây là lần đầu tiên một loại màng nhựa kháng vi rút được phát triển theo hướng này và chúng tôi hy vọng nó sẽ mang lại lợi ích to lớn cho xã hội”.

TS. Connor Bamford, một trong số các tác giả nghiên cứu, cho rằng: “Vi rút gây bệnh như SARS-CoV-2 và cúm sẽ tiếp tục trở thành vấn đề toàn cầu trong nhiều năm tới. Trong quá trình phát triển màng nhựa mỏng tự khử trùng, chúng tôi đã tạo ra một công nghệ giá rẻ tác động lớn đến việc lan truyền các loại vi rút trong môi trường chăm sóc sức khỏe và các môi trường khác”.

Theo vista.gov.vn



CÁC VẤN ĐỀ VẪN TỒN TẠI ĐỐI VỚI TRẺ EM KHI TIẾP XÚC VỚI CANN SA TỪ TRONG BỤNG MẸ

Theo nghiên cứu tại Đại học Washington ở St. Louis-Hoa Kỳ, do phó giáo sư Ryan Bogdan dẫn đầu, cho thấy những đứa trẻ tiếp xúc với cần sa khi còn trong bụng mẹ tiếp tục có tỷ lệ cao các triệu chứng tâm thần (trầm cảm, lo lắng và một số tình trạng tâm thần khác) ở độ tuổi 11 và 12 và tới tuổi vị thành niên.

Đây là một nghiên cứu tiếp theo từ năm 2020 cho thấy những đứa trẻ nhỏ tuổi đã từng tiếp xúc với cần sa trước đó có nhiều khả năng mắc nhiều vấn đề về giấc ngủ; trọng lượng sơ sinh; hiệu suất nhận thức đều thấp hơn, so với những yếu tố khác.

Trong cả hai trường hợp, ảnh hưởng là mạnh nhất khi xem xét việc tiếp xúc với cần sa sau khi được biết là mang thai. Để xác định xem liệu những mối liên hệ này có tồn tại khi trẻ lớn lên hay không, nhà nghiên cứu David Baranger tại Phòng thí nghiệm BRAIN, đã xem lại với hơn 10.500 trẻ em từ phân tích năm 2020. Trẻ có độ tuổi trung bình là 10 vào năm 2020.

Dữ liệu về trẻ em và mẹ của chúng được lấy từ Nghiên cứu phát triển trí não và nhận thức ở tuổi vị thành niên (Nghiên cứu ABCD),

là nghiên cứu đang diễn ra trên gần 12.000 trẻ em, bắt đầu từ khi chúng 9-10 tuổi và cha mẹ hoặc người chăm sóc của chúng. Nghiên cứu bắt đầu vào năm 2016, khi những người tham gia được đăng ký tại 22 địa điểm trên khắp Hoa Kỳ.

David Baranger nói. “Sự thay đổi về khoảng cách độ tuổi có vẻ ít, nhưng khi trẻ

ở độ tuổi 10 đến 12, đó là sự thay đổi quan trọng đối với chúng. Chúng tôi biết đây là thời kỳ mà có tỷ lệ lớn các chẩn đoán sức khỏe tâm thần xảy ra. Trong

đợt đầu tiên, chúng chỉ là những đứa trẻ. Bây giờ chúng đang ở tuổi vị thành niên”.

Một phân tích về dữ liệu gần đây hơn cho thấy không có thay đổi đáng kể nào về tỷ lệ mắc những bệnh tâm thần khi trẻ trưởng thành; chúng vẫn có nhiều nguy cơ mắc các rối loạn tâm thần lâm sàng và sử dụng chất kích thích có vấn đề khi bước vào những năm cuối tuổi vị thành niên.

Theo vista.gov.vn

